PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 ban hành Danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Sửa chữa thiết bị tự động hóa; Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí; Bảo vệ môi trường đô thị; Xử lý rác thải; Chế biến lương thực; Lắp đặt thiết bị lạnh; Công nghệ may veston; Công nghệ sợi; Sửa chữa thiết bị dệt; Gia công ống công nghệ; Vận hành máy xây dựng; Marketing thương mại; Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò; Đúc, dát đồng mỹ nghệ; Vận hành máy nông nghiệp; Sửa chữa, lắp ráp xe máy; Cốt thép - Hàn; Bán hàng trong siêu thị

Phụ lục

Danh mục thiết bị dạy nghề tối thiểu trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Sửa chữa thiết bị tự động hóa; Sửa chữa thiết bị chế biến dầu khí; Bảo vệ môi trường đô thị; Xử lý rác thải; Chế biến lương thực; Lắp đặt thiết bị lạnh; Công nghệ may veston; Công nghệ sợi; Sửa chữa thiết bị dệt; Gia công ống công nghệ; Vận hành máy xây dựng; Marketing thương mại; Quản lý khai thác công trình thủy lợi; Vận hành cần, cầu trục; Kỹ thuật xây dựng mỏ hầm lò; Đúc, dát đồng mỹ nghệ; Vận hành máy nông nghiệp; Sửa chữa, lắp ráp xe máy; Cốt thép - Hàn; Bán hàng trong siêu thị

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

(Tiếp theo Công báo số 753 + 754)

Phụ lục 18a

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ, NGHỀ SỬA CHỮA, LẮP RÁP XE MÁY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Sửa chữa, lắp ráp xe máy
Mã nghề: 40510223
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 32. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Sửa chữa, lắp ráp xe máy
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Bảo hộ lao động	Bộ	01	*Theo Tiêu chuẩn Việt Nam về bảo hộ lao động*
	Mỗi bộ bao gồm			
	Quần áo bảo hộ lao động	*Bộ*	*01*	
	Mũ bảo hộ lao động	*Chiếc*	*01*	
	Kính bảo hộ trắng	*Chiếc*	*01*	
	Găng tay sợi	*Đôi*	*01*	
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*	
	Dây an toàn	*Bộ*	*01*	
2	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	*Theo Tiêu chuẩn Việt Nam về y tế*
	Mỗi bộ bao gồm			
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Hộp dụng cụ sơ cứu	*Bộ*	*01*	
3	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	*Theo Tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy*
	Mỗi bộ bao gồm			
	Bình bọt	*Chiếc*	*01*	
	Bình bột	*Chiếc*	*01*	
	Bình khí CO_2	*Chiếc*	*01*	
	Hộp ấn báo cháy	*Chiếc*	*01*	
	Đèn tín hiệu báo cháy	*Chiếc*	*01*	
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
4	Đồng hồ đo áp suất bơm xăng	Chiếc	01	Áp suất đo: ≤ 7kG/cm^2
5	Máy cân kim phun	Chiếc	01	- Dải đo: (0 ÷ 200)cm^3/phút - Áp suất phun: (0 ÷ 180) bar

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
6	Máy xúc rửa kim phun xăng FI	Bộ	01	- Đầu nối nhanh - Áp suất làm việc: ≤ 100psi
7	Máy kiểm tra bu gi	Chiếc	01	- Điện áp: 220v - Điện áp kiểm tra: ≥ 15KV
8	Máy nạp ắc quy	Chiếc	01	- Nguồn vào: 220V - Nguồn ra DC: (6 ÷ 12)V - Dòng nạp: ≤ 10A
9	Ắc quy	Chiếc	03	- Điện áp: 12v - Dung lượng: (4 ÷ 7)Ah
10	Máy rà xu páp	Bộ	01	Công suất: ≤ 0.7kW
11	Máy mài đế xu páp	Bộ	01	Công suất: ≤ 1kW
12	Máy mài nắp máy	Chiếc	01	- Công suất: ≥ 750W - Tốc độ: ≤ 2850v/p
13	Máy hút và xả khí dầu phanh	Bộ	01	- Áp suất làm việc: ≤ 2 Bar - Bình chứa dầu: ≤ 1 lít
14	Bình hút dầu thải	Bộ	01	- Tốc độ hút: (0,6 ÷ 1,6) Lít/phút - Áp lực hút: ≥ 1 Bar
15	Bàn máp	Chiếc	01	- Dài: ≤ 450mm - Rộng: ≤ 350mm - Cao: ≤ 60mm
16	Máy doa xi lanh	Chiếc	01	- Đường kính doa: (30 ÷ 180)mm - Công suất: ≤ 2,5kW
17	Bình thông dầu dây phanh	Bộ	01	- Áp suất: ≥ 3kg/cm^2 - Bầu chứa dầu: ≥ 2 lít
18	Máy láng đĩa phanh	Bộ	01	- Công suất: ≥ 750W - Đường kính đĩa phanh: ≤ 300mm - Độ dày đĩa phanh: ≤ 15mm
19	Máy tháo, lắp lốp xe	Chiếc	01	- Khả năng kẹp vành: ≤ 650mm - Công suất: ≤ 750W
20	Máy vá lốp không săm	Chiếc	01	Công suất: ≤ 1000W
21	Máy mài, miếng vá lốp xe	Chiếc	01	- Công suất: ≤ 200W - Tốc độ: ≤ 2500v/p - Đường kính đá mài: ≤ 30mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
22	Máy kiểm tra, chẩn đoán sai hỏng hệ thống điện	Bộ	01	- Kết nối trực tiếp với hộp ECU - Đọc và xóa lỗi Code - Khả năng record dữ liệu trực tiếp trên xe
23	Giá cân vành xe máy	Bộ	02	Kiểm tra độ đảo, độ ô van của vành xe
24	Máy đánh rỉ	Chiếc	01	Công suất: ≤ 670W
25	Máy mài cầm tay	Chiếc	01	Đường kính đá: ≤ 120mm
26	Thiết bị kiểm tra góc đánh lửa sớm	Chiếc	01	- Nhiệt độ hoạt động: $(0 \div 50)^0$C - Tốc độ vòng quay: (240 ÷ 9.990)rpm - Góc đánh lửa: $(0 \div 90)^0$
27	Đồng hồ đo áp suất buồng đốt động cơ	Chiếc	01	- Hiển thị bằng đồng hồ. - Dải đo: (0 ÷ 21) Bar - Có các đầu chuyển nối nhanh
28	Đồng hồ đo tốc độ động cơ	Chiếc	01	- Hiển thị bằng số - Thang đo: (0 ÷ 15000)PRM
29	Thiết bị kiểm tra xe máy	Bộ	01	- Đọc/Xóa mã lỗi lưu trong hộp điều khiển điện tử (ECU) - Hiển thị thông số trên màn hình
30	Máy hàn điện	Chiếc	01	Cường độ: ≤ 400A
31	Máy hàn chập	Chiếc	01	- Công suất: ≤ 15kVA - Độ dày: ≤ 2mm
32	Súng bắn ghim	Chiếc	01	Sử dụng ghim: 26/3 ÷ 26/8
33	Máy hàn nhựa	Chiếc	01	Công suất: ≥ 3kW
34	Máy khoan cầm tay	Chiếc	01	- Công suất: ≤ 700W - Mũi khoan: ≤ 8mm
35	Máy xẻ rãnh nhựa	Chiếc	01	- Công suất: ≤ 700W - Tốc độ: ≤ 11000v/p
36	Máy đánh bóng cầm tay	Chiếc	01	- Công suất: ≤ 700W - Tốc độ: ≤ 11000v/p - Đường kính phớt: ≤ 120mm
37	Máy rửa chi tiết	Chiếc	01	- Bơm nước công suất: ≤ 200 lít/h - Dung tích làm việc: (40 ÷ 50) lít

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
38	Máy mài hai đá	Chiếc	01	Đường kính đá mài: ≤ 400mm Công suất: ≤ 10kW
39	Máy khoan bàn	Chiếc	01	Loại thông dụng, công suất: ≥ 1,5kW
40	Máy cắt tôn	Chiếc	01	Cắt được chiều dày: ≤ 5mm
41	Hệ thống khí nén	Bộ	01	Thông số cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Máy nén khí	*Chiếc*	*01*	*Công suất: ≥ 1,5HP*
	Ống dẫn khí nén	*Cuộn*	*01*	*- Chiều dài: ≤ 20m* *- Đường kính: ≤ 6mm*
42	Súng bơm mỡ	Chiếc	01	Dung lượng: ≥ 300cc
43	Súng xì khô	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường
44	Súng tháo lắp bu lông	Chiếc	03	Mô men xoắn: ≤ 350NM
45	Súng tháo, lắp vít	Chiếc	03	Mô men xoắn: ≤ 220NM
47	Dụng cụ cầm tay	Bộ	01	Bao gồm 57 chi tiết
48	Vam tháo vô lăng từ	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
49	Vam tháo xu páp	Chiếc	03	Độ mở của hàm: ≤ 120mm
50	Dụng cụ tháo xéc măng	Chiếc	01	Đường kính làm việc: (45 ÷ 90)mm
51	Dao cạo gioăng	Chiếc	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
52	Vam tháo ly hợp xe máy	Chiếc	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
53	Vam tháo bi láp xe máy	Bộ	01	Lực kéo: ≥ 6kg/cm^2
54	Vam tháo mắt xích	Chiếc	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
55	Vam tháo vô lăng từ	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường
56	Dụng cụ ép bát phốt	Chiếc	01	Dài: ≤ 350mm
	Bộ dụng cụ tháo cổ phốt	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Vam tháo bát phốt	*Bộ*	*01*	*Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm* *Có đầy đủ chân gá*
	Khẩu tháo cổ phốt	*Chiếc*	*01*	*- Dài: ≥ 150mm* *- Loại giác 8 cạnh*
	Khẩu 6 chấu tháo cổ phốt	*Chiếc*	*01*	*- Dài: ≥ 150mm* *- Loại ốc xẻ*
	Khẩu 4 chấu tháo cổ phốt	*Chiếc*	*01*	*- Dài: ≥ 150mm* *- Loại ốc xẻ*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
57	Vam tháo giảm xóc	Bộ	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
58	Dụng cụ ép vòng bi	Bộ	01	Lực ép: ≥ 5kG/cm^2
59	Bàn nâng	Chiếc	03	- Sức nâng: ≥ 150kg - Chiều cao nâng: ≥ 800mm
60	Máy nắn khung càng	Bộ	01	Công suất: ≤ 750W
61	Bàn tháo lắp	Chiếc	03	Loại thông dụng
62	Khay đựng chi tiết	Chiếc	03	Loại thông dụng
63	Dụng cụ đo kiểm tra	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước cặp	*Chiếc*	*03*	*Độ chính xác: ≤ 1/20*
	Panme	*Bộ*	*01*	*Phạm vi đo: ≤ 100mm*
	Đồng hồ so	*Bộ*	*01*	*Phạm vi kiểm tra sai lệch: ≤ 3mm*
	Đồng hồ so lỗ	*Bộ*	*01*	*Phạm vi đo: (30 ÷ 100)mm*
	Căn lá	*Bộ*	*01*	*Phạm vi: (0,05 ÷ 1)mm*
64	Đồng hồ vạn năng	Chiếc	02	Loại thông dụng
65	Am pe kìm	Chiếc	01	Loại thông dụng
66	Thước thẳng	Chiếc	01	- Khắc vạch: 1mm - Dài: ≤ 500
67	Đồng hồ kiểm tra áp suất lốp xe	Bộ	01	Áp suất: (0 ÷ 15) Bar
68	Mỏ hàn thiếc	Chiếc	03	Công suất: ≥ 200W
69	Hộp đựng dụng cụ	Chiếc	03	Loại thông dụng, có sẵn trên thị trường
70	Giá vẽ	Chiếc	18	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
71	Khí cụ điện	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cầu dao 1 pha	*Chiếc*	*01*	*Cường độ: ≥ 30A*
	Cầu dao đảo chiều	*Chiếc*	*01*	
	Vôn kế	*Chiếc*	*01*	*- Dải đo (0 ÷ 2)kW* *- Độ chính xác: 1.5%*
	Công tắc điện	*Chiếc*	*01*	*Cường độ: ≥ 5A*
	Nút ấn	*Chiếc*	*01*	*Cường độ: ≥ 5A*
	Công tắc tơ	*Chiếc*	*01*	*Cường độ: (5 ÷ 20)A*
	Cầu chì	*Chiếc*	*01*	*Cường độ: ≥ 1A*
	Rơ-le	*Chiếc*	*01*	*Dòng điện: 24V*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
72	Mô hình máy phát điện một chiều	Bộ	01	- Dùng vỏ trong suốt có thể quan sát được
73	Mô hình máy phát điện xoay chiều	Bộ	01	- Dùng vỏ trong suốt có thể quan sát được
74	Mô hình động cơ điện một chiều	Bộ	01	Công suất: ≤ 40W
75	Mô hình động cơ điện xoay chiều một pha	Bộ	01	Công suất: ≤ 120W
76	Mô hình động cơ điện xoay chiều ba pha	Bộ	01	Công suất: ≤ 150W
77	Mô hình máy biến áp	Bộ	01	Thể hiện đầy đủ chi tiết cấu tạo của máy biến áp
78	Mô hình dàn trải điện của xe máy	Bộ	01	Thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
79	Mô hình cơ cấu truyền động ăn khớp	Bộ	01	*Thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm, kích thước phù hợp giảng dạy*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô hình cơ cấu bánh răng	*Bộ*	*01*	
	Cơ cấu xích	*Bộ*	*01*	
	Cơ cấu bánh vít trục vít	*Bộ*	*01*	
80	Mô hình cơ cấu truyền động cam	Bộ	01	Thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm, kích thước phù hợp giảng dạy
81	Mô hình cơ cấu truyền động ma sát	Bộ	01	
82	Mô hình cơ cấu truyền động đai	Bộ	01	
83	Mô hình cơ cấu tay quay thanh truyền	Bộ	01	Thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm, kích thước phù hợp giảng dạy
84	Mô hình cơ cấu các đăng	Bộ	01	Thông dụng trên thị trường, kích thước phù hợp giảng dạy
85	Mô hình mô phỏng mạng tinh thể của kim loại	Bộ	01	Hình dạng mạng tinh thể kim loại Kích thước phù hợp giảng dạy
86	Mẫu kim loại	Bộ	01	Các loại vật liệu kim loại thông dụng
87	Mẫu vật liệu phi kim loại	Bộ	01	Các loại vật liệu phi kim loại thông dụng
88	Mẫu xăng, dầu, mỡ bôi trơn	Bộ	01	Các loại xăng, dầu, mỡ bôi trơn thông dụng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
89	Dụng cụ đo kiểm	Bộ	03	Thông số kỹ thuật cơ bản sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Ca líp	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Com pa	*Chiếc*	*01*	*com pa đo trong, ngoài:* *Đường kính đo: ≥ 300mm*
	Dưỡng đo ren	*Bộ*	*01*	*Do được ren, hệ mét, hệ anh*
	Ke vuông	*Chiếc*	*01*	*Kích thước* *- Cạnh 1: ≥ 120mm* *- Cạnh 2: ≥ 200mm*
	Căn lá	*Bộ*	*01*	*Đo tối thiểu (0,02 ÷ 1)mm*
	Căn mẫu	*Bộ*	*01*	*Cấp chính xác: 0,1,2,3*
	Thước lá	*Chiếc*	*01*	*Độ dài dài từ (150 ÷ 300)mm*
	Ke vuông	*Chiếc*	*01*	*90^o*
	Thước cặp	*Bộ*	*01*	*Độ chính xác: 1/10; 1/20; 1/50*
	Pan me đo ngoài	*Chiếc*	*01*	*Độ chính xác 0,01mm*
	Pan me đo trong	*Chiếc*	*01*	*Độ chính xác 0,01mm*
	Thước đo góc	*Chiếc*	*01*	*Thước đo góc vạn năng thông dụng*
	Đồng hồ so	*Chiếc*	*01*	*Độ chính xác: (0,05 ÷ 0,01)mm*
90	Mẫu chuẩn so sánh độ nhám	Bộ	01	Thông số kỹ thuật cơ bản sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mẫu cho mài thô	*Bộ*	*01*	*2, 4, 8, 16, 32, 63µin - 0.05, 0.1, 0.2, 0.4, 0.8, 1.6µm*
	Mẫu cho mài tinh	*Bộ*	*01*	*8, 16, 32, 63µin - 0.2, 0.4, 0.8, 1.6µm*
91	Mô hình mối ghép ren	Bộ	01	*Có kích thước gọn nhẹ, trực quan phù hợp với công tác giảng dạy*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô hình mối ghép ren hệ mét	*Bộ*	*01*	
	Mô hình mối ghép ren thang	*Bộ*	*01*	
92	Mô hình mối ghép bánh răng	Bộ	01	Có kích thước gọn nhẹ, trực quan phù hợp với công tác giảng dạy
93	Mô hình mối ghép then	Bộ	01	*Có kích thước gọn nhẹ phù hợp với công tác giảng dạy*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô hình mối ghép then	*Bộ*	*01*	
	Mô hình mối ghép then hoa	*Bộ*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
94	Dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18	*Thông dụng trên thị trường, phù hợp giảng dạy*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*	
	Thước T	*Chiếc*	*01*	
	Ê ke	*Bộ*	*01*	
	Compa	*Chiếc*	*01*	
	Thước đo góc	*Chiếc*	*01*	
	Thước cong	*Bộ*	*01*	
95	Bàn, ghế vẽ kỹ thuật	Bộ	18	Kích thước tối thiểu khổ A3; điều chỉnh độ cao, độ nghiêng từ 0º ÷ 45º
96	Mô hình các khối cơ bản:	Bộ	01	*Hình dáng hình học, kích thước phù hợp với giảng dạy; Dễ quan sát, có thể di chuyển dễ dàng*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Khối lập phương	*Chiếc*	*01*	
	Khối nón	*Chiếc*	*01*	
	Khối chóp đa giác	*Chiếc*	*01*	
	Khối cầu	*Chiếc*	*01*	
	Khối trụ	*Chiếc*	*01*	
97	Dụng cụ cầm tay nghề điện	Bộ	03	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Kìm điện	*Chiếc*	*01*	*Thông dụng trên thị trường*
	Kìm cắt dây	*Chiếc*	*01*	*Thông dụng trên thị trường*
	Kìm tuốt dây	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm*
	Kìm ép đầu cốt	*Chiếc*	*01*	*Ép được đầu cốt có đường kính: (4 ÷ 10)mm*
	Tô vít 2 cạnh	*Chiếc*	*01*	*Dài: ≥ 150mm*
	Tô vít 1 cạnh	*Chiếc*	*01*	*Dài: ≥ 150mm*
	Đèn pin	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm*
	Kéo	*Chiếc*	*01*	
	Panh gắp linh kiện	*Chiếc*	*03*	
	Mỏ hàn thiếc	*Chiếc*	*01*	*Công suất: ≥ 200W*
	Dụng cụ hút thiếc	*Chiếc*	*01*	*Dài: ≥ 350mm*
98	Các linh kiện điện tử	Bộ	01	Thông dụng trên thị trường phù hợp với nội dung môn học

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
99	Mạch chỉnh lưu	Bộ	01	- Điện áp nguồn ra: 24V - Giắc cắm tiêu chuẩn
100	Mạch tiết chế	Bộ	01	- Điện áp nguồn ra: 24V - Giắc cắm tiêu chuẩn
101	Mạch khuếch đại	Bộ	01	- Điện áp nguồn ra: 24V - Giắc cắm tiêu chuẩn
102	Bàn thực hành điện tử	Bộ	01	- Đủ số lượng vị trí thực hành theo quy định - Điện áp nguồn ra: 24V - Giắc cắm tiêu chuẩn
103	Mô hình động cơ xe máy 2 kỳ	Chiếc	01	- Kích thước phù hợp với giảng dạy - Cắt bổ thể hiện đầy đủ chi tiết bên trong động cơ
104	Mô hình động cơ xe máy 4 kỳ	Chiếc	01	- Kích thước phù hợp với giảng dạy - Cắt bổ thể hiện đầy đủ chi tiết bên trong động cơ
105	Mô hình bộ chế hòa khí	Bộ	02	Cắt bổ dễ quan sát, phù hợp cho giảng dạy
106	Mô hình máy khởi động	Chiếc	01	Kích thước nhỏ gọn, dễ quan sát, phù hợp cho giảng dạy Cắt bổ thể hiện được đầy đủ các chi tiết
107	Mô hình hệ thống đánh lửa	Bộ	01	*- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm* *- Cắt bổ thể hiện được đầy đủ các chi tiết*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô hình cắt bổ hệ thống đánh lửa vô lăng ma nhê tíc	*Bộ*	*01*	
	Mô hình cắt bổ hệ thống đánh lửa ắc quy	*Bộ*	*01*	
	Mô hình cắt bổ các chi tiết của hệ thống điện đánh lửa bán dẫn	*Bộ*	*01*	
108	Mô hình hộp số	Bộ	03	*- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm* *- Cắt bổ thể hiện đầy đủ cấu tạo của các chi tiết*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Hộp số xe máy loại 3 số	*Bộ*	*01*	
	Hộp số xe máy loại 4 số	*Bộ*	*01*	
	Hộp số xe máy loại 5 số	*Bộ*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
109	Mô hình hệ thống phanh	Bộ	01	*Cắt bổ thể hiện đầy đủ cấu tạo của hệ thống phanh*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mô hình cắt bổ hệ thống phanh dầu	*Bộ*	*01*	
	Mô hình cắt bổ hệ thống phanh cơ khí	*Bộ*	*01*	
110	Mô hình hệ thống lái xe máy	Bộ	01	Cắt bổ thể hiện đầy đủ chi tiết của hệ thống
111	Bộ dụng cụ vạch dấu	Bộ	03	*Thông số cơ bản như sau:*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước cuộn	*Chiếc*	*01*	*Theo tiêu chuẩn Việt Nam, thông dụng tại thời điểm mua sắm*
	Mũi vạch	*Chiếc*	*01*	
	Chấm dấu	*Chiếc*	*01*	
	Búa nguội	*Chiếc*	*01*	
	Ke vuông	*Chiếc*	*01*	
	Bàn máp	*Chiếc*	*01*	
	Khối D	*Chiếc*	*01*	
	Khối V	*Chiếc*	*01*	
112	Cưa cầm tay	Chiếc	03	Chiều dài lưỡi cưa: ≥ 300mm
113	Dụng cụ cơ khí cầm tay	Bộ	03	*Thông số cơ bản như sau:*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đục bằng	*Chiếc*	*01*	*Dài: ≥ 150mm*
	Đục nhọn	*Chiếc*	*01*	
	Giũa dẹt	*Chiếc*	*01*	*Dài: ≥ 100mm*
	Giũa tam giác	*Chiếc*	*01*	
	Giũa lòng mo	*Chiếc*	*01*	
	Giũa tròn	*Chiếc*	*01*	
	Giũa vuông	*Chiếc*	*01*	
	Dụng cụ cắt ren trong	*Chiếc*	*01*	*Cắt ren hệ mét, đường kính: ≤M16*
	Dụng cụ cắt ren ngoài	*Chiếc*	*01*	
	Mũi khoan	*Chiếc*	*22*	*Đường kính mũi khoan: ≤ 24mm*
	Dao cạo mặt phẳng	*Chiếc*	*03*	*Rộng lưỡi: ≤ 20* *Dài: ≤ 180mm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Dao cạo cong	*Chiếc*	*03*	*Dài cán: (120 ÷ 180)mm*
	Dưỡng kiểm ren	*Bộ*	*02*	*Kích thước: ≤ M24*
	Dưỡng góc	*Chiếc*	*02*	*Thông dụng, góc mở: ≤ 60°*
	Ê tô	*Chiếc*	*18*	*Ê tô song hành, hàm: ≤ 250mm*
	Bàn nguội	*Bộ*	*01*	*Đủ 18 vị trí làm việc*
114	Dụng cụ vệ sinh, bảo dưỡng	Bộ	03	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bàn chải	*Chiếc*	*06*	*Thông dụng trên thị trường*
	Chổi quét phoi	*Chiếc*	*06*	*Thông dụng trên thị trường*
	Vịt dầu	*Chiếc*	*03*	*Thông dụng trên thị trường*
115	Kéo cắt kim loại	Chiếc	03	Cắt được thép tấm có chiều dày: ≤ 1mm
116	Búa	Bộ	03	*Thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Búa 0,5kg	*Chiếc*	*01*	
	Búa 3kg	*Chiếc*	*01*	
	Búa 5kg	*Chiếc*	*01*	
117	Đe	Bộ	03	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Đe phẳng	*Chiếc*	*01*	*Kích thước:* *Dài: (400 ÷ 600)mm;* *Rộng: (300 ÷ 450)mm;* *Cao: (200 ÷ 250)mm*
	Đe rãnh	*Chiếc*	*01*	*Kích thước rãnh trên đe:* *Rộng: (70 ÷ 120)mm;* *Cao: (20 ÷ 30)mm*
118	Bộ dụng cụ cầm tay nghề hàn	Bộ	03	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Kìm hàn	*Chiếc*	*01*	*Kìm hàn có cách điện*
	Búa nguội	*Chiếc*	*01*	*Trọng lượng: ≥ 300g*
	Búa gõ xỉ	*Chiếc*	*01*	*Trọng lượng: ≥ 300g*
	Đục bằng	*Chiếc*	*01*	*Chiều dài: ≥ 150mm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Giũa dẹt	*Chiếc*	*01*	*Chiều dài: ≥ 200mm*
	Kìm cặp phôi	*Chiếc*	*01*	*Chiều dài: ≥ 150mm*
	Bàn chải sắt	*Chiếc*	*01*	*Chiều dài: ≤ 200mm*
	Kính hàn	*Chiếc*	*01*	*Theo tiêu chuẩn Việt Nam*
	Trang bị an toàn nghề hàn	*Bộ*	*01*	*Theo tiêu chuẩn Việt Nam*
119	Bàn hàn đa năng	Chiếc	03	Kích thước phù hợp giảng dạy Bàn hàn có ngăn kéo chứa xỉ hàn
120	Đe phẳng	Chiếc	03	Kích thước: - Dài: (350 ÷ 500)mm; - Rộng: (300 ÷ 400)mm; - Cao: (150 ÷ 200)mm
121	Dụng cụ đo kích thước mối hàn	Bộ	03	Đo được các kích thước chiều cao, chiều rộng và cạnh của mối hàn
122	Ca bin hàn	Chiếc	03	Kích thước phù hợp với bàn hàn có bộ xử lý khói hàn
123	Hệ thống hút khói hàn	Chiếc	01	Phù hợp với hệ thống hàn
124	Thiết bị hàn hơi	Bộ	03	Thông số kỹ thuật cơ bản như sau:
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Mỏ hàn	*Chiếc*	*01*	*Mỏ hàn loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Đồng hồ gas, ô xy	*Bộ*	*01*	*Đồng hồ ô xy, gas: Ngăn lửa cháy ngược*
	Bình chứa ô xy	*Bình*	*01*	*Loại thông dụng*
	Bình chứa gas	*Bình*	*01*	*Trọng lượng: ≥ 12kG*
	Dây dẫn khí gas, ô xy	*Sợi*	*01*	*Dài: ≥ 15m*
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
125	Máy vi tính	Bộ	03	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
126	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Cường độ chiếu sáng ≥ 2500 ANSI Lumens Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Phần C
DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG THEO MÔ ĐUN TỰ CHỌN

Bảng 33. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): SỬA CHỮA NẮN KHUNG, CÀNG XE MÁY

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Sửa chữa, lắp ráp xe máy
Mã số mô đun: MĐ 29
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy nắn khung càng	Bộ	01	Công suất: ≤ 750W

Bảng 34. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): THỰC HÀNH SỬA CHỮA VÀ ĐẤU MẮC MẠCH ĐIỆN TRÊN XE ĐỜI MỚI

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Sửa chữa, lắp ráp xe máy
Mã số mô đun: MĐ 30
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mô hình các hệ thống điện trên xe máy	Bộ	01	- Kích thước phù hợp với giảng dạy - Mô tả đầy đủ hệ thống điện của xe máy
2	Xe máy đời mới	Chiếc	01	Loại phun xăng điều khiển bằng điện tử

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ,
NGHỀ SỬA CHỮA, LẮP RÁP XE MÁY
Trình độ: Trung cấp nghề

(Theo Quyết định số 870/QĐ-BLĐTBXH ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Họ tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Nguyễn Ngọc Tám	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Chủ tịch Hội đồng
2	Ông Cao Bá Ry	Kỹ sư Ô tô	Phó chủ tịch Hội đồng
3	Ông Lê Đình Dũng	Thạc sỹ Cơ khí	Ủy viên thư ký
4	Ông Đỗ Văn Chung	Thạc sỹ Quản lý giáo dục	Ủy viên
5	Ông Đoàn Mạnh Lin	Thợ bậc cao	Ủy viên
6	Ông Nguyễn Văn Mừng	Kỹ sư Ô tô	Ủy viên
7	Ông Nguyễn Đức Cảnh	Thợ bậc cao	Ủy viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 19a

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ CỐT THÉP- HÀN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Cốt thép - Hàn

Mã nghề: 40510103

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Năm 2015

Mục lục

Phần thuyết minh

Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn)

Bảng 1. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Vẽ kỹ thuật (MH 07)

Bảng 2. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Vật liệu (MH 08)

Bảng 3. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Điện kỹ thuật (MH 09)

Bảng 4. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Tổ chức sản xuất (MH 10)

Bảng 5. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Kỹ thuật An toàn & Bảo hộ lao động (MH 11)

Bảng 6. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Tiên lượng dự toán (MH 12)

Bảng 7. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Chuẩn bị thi công (MĐ 13)

Bảng 8. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Gia công các chi tiết cốt thép bằng phương pháp thủ công (MĐ 14)

Bảng 9. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Gia công các chi tiết cốt thép bằng máy (MĐ 15)

Bảng 10. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Lắp đặt cốt thép trong cấu kiện bê tông đổ tại chỗ (MĐ 16)

Bảng 11. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Lắp đặt cốt thép trong cấu kiện bê tông đúc sẵn (MĐ 17)

Bảng 12. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Hàn cốt thép (MĐ 18)

Bảng 13. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Cắt cốt thép (MĐ 19)

Bảng 14. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Các công việc liên quan (MĐ 20)

Bảng 15. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thực tập tốt nghiệp (MĐ 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Kỹ thuật xây trát (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Trộn, đổ, đầm bê tông (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Lắp đặt mạng điện sinh hoạt (MĐ 25)

Bảng 20. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Hàn ống (MĐ 26)

Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 21. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Phần C. Danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn

Bảng 22. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Kỹ thuật xây trát (MĐ 22)

Bảng 23. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn, giàn giáo (MĐ 23)

Bảng 24. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Trộn, đổ, đầm bê tông (MĐ 24)

Bảng 25. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Lắp đặt mạng điện sinh hoạt (MĐ 25)

Bảng 26. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Hàn ống (MĐ 26)

Danh sách Hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề Cốt thép - Hàn

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Cốt thép - Hàn trình độ trung cấp nghề là danh mục bao gồm các loại thiết bị dạy nghề (dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh...) tối thiểu và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà cơ sở dạy nghề phải có để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 học sinh và lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh. Danh mục này được xây dựng trên cơ sở chương trình khung trình độ trung cấp nghề Cốt thép - Hàn ban hành kèm theo Thông tư số 44/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

I. Nội dung danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Cốt thép - Hàn

1. Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc và tự chọn)

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 20, danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 21 - Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc, trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả các thiết bị có trong danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng tối thiểu đáp ứng được yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi chủng loại thiết bị đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của chủng loại đó trong các môn học, mô đun bắt buộc.

3. Phần C. Danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn

Đây là các danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn (từ bảng 22 đến bảng 26) dùng để bổ sung cho bảng 21.

II. Áp dụng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Cốt thép - Hàn trình độ trung cấp nghề

Các trường đào tạo nghề Cốt thép - Hàn, trình độ trung cấp nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc bảng 21.

2. Danh mục thiết bị bổ sung tương ứng với môn học, mô đun tự chọn. Loại bỏ thiết bị trùng lặp giữa các môn học, mô đun tự chọn (nếu có).

3. Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC, TỰ CHỌN)

Bảng 01. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): VẼ KỸ THUẬT

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bàn, ghế vẽ kỹ thuật	Bộ	18	Dùng để thực hành vẽ kỹ thuật	- Kích thước: ≥ khổ A2 - Có điều chỉnh độ nghiêng
2	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18	Dùng để thực hành vẽ kỹ thuật	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Com pa	*Chiếc*	*01*		Vẽ đường tròn bán kính: (10 ÷ 150)mm
	Dưỡng cong	*Chiếc*	*01*		Loại thông dụng trên thị trường
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*		Chiều dài: (300 ÷ 1000)mm
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*		Chiều dài: (300 ÷ 1000)mm
	Ê ke	*Chiếc*	*02*		Loại 90^0 và 120^0
3	Mô hình vật thể cắt bổ	Bộ	01	Dùng để trực quan mặt cắt của vật thể	Vật liệu bằng gỗ, sơn phủ mặt cắt
4	Mô hình 3D	Chiếc	03	Dùng để trực quan các hình chiếu	Vật liệu bằng gỗ hoặc thép
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 02. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): VẬT LIỆU

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mẫu vật liệu kim loại	Bộ	01	Dùng để trực quan vật liệu kim loại	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Gang	*Mẫu*	*01*		*- Dài: ≥ 200mm* *- Rộng: ≥ 50mm* *- Dày: ≥ 5mm*
	Thép tròn trơn	*Mẫu*	*15*		*- Dài: ≥ 300mm* *- Đường kính: (4 ÷ 32)mm*
	Thép có gờ	*Mẫu*	*11*		*- Dài: ≥ 300mm* *- Đường kính: (10 ÷ 32)mm*
	Kim loại màu tấm	*Mẫu*	*01*		*- Dài: ≥ 200mm* *- Rộng: ≥ 50mm* *- Dày: ≥ 5mm*
	Kim loại màu tròn	*Mẫu*	*05*		*- Dài: ≥ 300mm* *- Đường kính: (1 ÷ 5)mm*
2	Mẫu vật liệu phi kim loại	Bộ	01	Dùng để trực quan vật liệu phi kim loại	Loại thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Đá tự nhiên	Mẫu	01		
	Gốm	Mẫu	01		
	Chất dẻo	Mẫu	01		
	Chất kết dính	Mẫu	01		
3	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
4	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 03. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): ĐIỆN KỸ THUẬT

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mô hình mạch điện 1 chiều	Bộ	01	Sử dụng để thực hành nhận biết và đo các đại lượng điện 1 chiều	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Nguồn điện 1 chiều	*Chiếc*	*01*		*- U_v = 220VAC* *- $I_{đm} \geq 5A$* *- U_{ra} = (6 ÷ 24)VDC*
	Ampe met DC	*Chiếc*	*01*		*$I \leq 1A$*
	Von met DC	*Chiếc*	*01*		*$U \geq 5V$*
	Mô đun tải trở	*Bộ*	*01*		*- $U_{đm}$ = (6 ÷ 24)VDC* *- $P_{đm} \leq 100W$*
	Mô đun tải biến	*Bộ*	*01*		
2	*Mô hình mạch điện xoay chiều*	*Bộ*	*01*	Sử dụng để thực hành nhận biết và đo các đại lượng điện xoay chiều	
	Mỗi bộ bao gồm				
	Nguồn điện xoay chiều	*Chiếc*	*01*		*- U_v = 220VAC* *- $I_{đm} \geq 10A$* *- U_{ra} = (90 ÷ 220)VAC*
	Ampe met AC	*Chiếc*	*01*		*$I \geq 5A$*
	Von met AC	*Chiếc*	*01*		*$U \geq 380V$*
	Mô đun tải trở	*Bộ*	*01*		*- $U_{đm}$ = (90 ÷ 220)VAC* *- $P_{đm} \leq 1000W$*
	Tụ điện	*Chiếc*	*01*		*P: (40 ÷ 80)W*
3	Dụng cụ cầm tay nghề điện	Bộ	01	Dùng để thực hành tháo lắp điện	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tuốc nơ vít 02 cạnh	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Tuốc nơ vít 04 cạnh	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Kìm điện	*Chiếc*	*01*		
	Kìm cắt dây	*Chiếc*	*01*		
	Kìm tuốt dây	*Chiếc*	*01*		
	Bút thử điện	*Chiếc*	*01*		
	Thước mét	*Chiếc*	*01*		*Dài: ≤ 5m*
	Đồng hồ vạn năng	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
4	Mô hình mạch điện 3 pha	Bộ	01	Dùng để trực quan mô hình mạch điện	Loại thông dụng trên thị trường
5	Mô hình mạch điện xoay chiều 01 pha	Bộ	01		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 04. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TỔ CHỨC SẢN XUẤT

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 05. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Dùng để giới thiệu chức năng và cách sử dụng	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ kính	*Chiếc*	*01*		
	Panh	*Chiếc*	*01*		
	Kéo	*Chiếc*	*01*		
	Nẹp	*Chiếc*	*04*		
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*		
	Xe đẩy	*Chiếc*	*01*		
2	Dụng cụ phòng cháy chữa cháy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách phòng chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình chữa cháy loại bọt	*Chiếc*	*01*		
	Bình chữa cháy loại khí	*Chiếc*	*01*		
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*		
	Đầu báo khói	*Chiếc*	*01*		
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*		
	Cuốc	*Chiếc*	*01*		
	Xẻng	*Chiếc*	*01*		
	Thang	*Chiếc*	*01*		
3	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	01	Dùng để giới thiệu chức năng và cách sử dụng	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*		
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*		
	Mặt nạ phòng độc	*Chiếc*	*01*		
	Khẩu trang	*Chiếc*	*01*		
	Găng tay	*Đôi*	*01*		
	Kính trắng	*Chiếc*	*01*		
	Dây an toàn	*Chiếc*	*01*		
	Mặt nạ hàn	*Chiếc*	*01*		
4	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 06. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TIÊN LƯỢNG DỰ TOÁN

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số môn học: MH 12
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01		Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 07. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CHUẨN BỊ THI CÔNG

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 13
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bộ thước	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng, tác dụng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước rút	*Chiếc*	*01*		*Dài: (3 ÷ 5)m*
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*		*- Dài: (250 ÷ 300)mm* *- Độ chia: 0,1mm*
	Thước cữ	*Chiếc*	*01*		*Dài: (500 ÷ 700)mm*
2	Bộ dụng cụ cắt thép thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Chạm	*Chiếc*	*01*		
	Kháp	*Bộ*	*01*		
	Kìm cộng lực	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cần	*Chiếc*	*01*		
	Mũi vạch dấu	*Chiếc*	*01*		
3	Bộ dụng cụ uốn nắn thép thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Vam tay	*Chiếc*	*01*		*Dài: (300 ÷ 400)mm*
	Vam cần	*Chiếc*	*01*		*Dài: (700 ÷ 900)mm*
	Bàn vam	*Bộ*	*01*		*Đường kính cọc uốn: (10 ÷ 18)mm*
	Búa con	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (0,5 ÷ 1)kg*
	Búa nhỡ	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (2 ÷ 3)kg*
	Búa tạ	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (5 ÷ 7)kg*
	Đe thuyền	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (30 ÷ 70)kg*
4	Tời thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Tời điện	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 3kW
6	Dụng cụ cắt thép bằng khí	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình oxy	*Chiếc*	*01*		
	Bình Acetylen	*Chiếc*	*01*		
	Đồng hồ đo áp suất	*Chiếc*	*01*		
	Ống dẫn khí	*Chiếc*	*01*		
	Van an toàn	*Chiếc*	*01*		
	Mỏ cắt	*Chiếc*	*01*		
7	Máy cắt đĩa	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 1kW
8	Máy cắt thép cầm tay	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: (0,7 ÷ 1,4)kW
9	Máy cắt thép cố định	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 3kW
10	Máy uốn thép	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 3kW
11	Máy đánh gỉ	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Lưu lượng khí vào: ≥ 2 l/s
12	Bàn chải sắt	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
13	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
14	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 08. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): GIA CÔNG CÁC CHI TIẾT CỐT THÉP
BẰNG PHƯƠNG PHÁP THỦ CÔNG

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 14
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bộ thước	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng, tác dụng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước rút	*Chiếc*	*06*		*Dài: (3 ÷ 5)m*
	Thước vuông	*Chiếc*	*06*		*- Dài: (250 ÷ 300)mm* *- Độ chia: 0,1mm*
	Thước cữ	*Chiếc*	*03*		*Dài: (500 ÷ 700)mm*
2	Bộ dụng cụ cắt thép thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Chạm	*Chiếc*	*06*		
	Kháp	*Bộ*	*03*		
	Kìm cộng lực	*Chiếc*	*03*		
	Kéo cần	*Chiếc*	*02*		
	Mũi vạch dấu	*Chiếc*	*06*		
3	Bộ dụng cụ uốn nắn thép thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Vam tay	*Chiếc*	*06*		*Dài: (300 ÷ 400)mm*
	Vam cần	*Chiếc*	*06*		*Dài: (700 ÷ 900)mm*
	Bàn vam	*Bộ*	*03*		*Đường kính cọc uốn: (10 ÷ 18)mm*
	Búa con	*Chiếc*	*06*		*Trọng lượng: (0,5 ÷ 1)kg*
	Búa nhỡ	*Chiếc*	*03*		*Trọng lượng: (2 ÷ 3)kg*
	Búa tạ	*Chiếc*	*03*		*Trọng lượng: (5 ÷ 7)kg*
	Đe thuyền	*Chiếc*	*03*		*Trọng lượng: (30 ÷ 70)kg*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
4	Tời thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
6	Dụng cụ cắt thép bằng khí	Bộ	03	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình oxy				
	Bình Acetylen				
	Đồng hồ đo áp suất				
	Ống dẫn khí				
	Van an toàn				
	Mỏ cắt				
7	Bàn chải sắt	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 09. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): GIA CÔNG CÁC CHI TIẾT CỐT THÉP BẰNG MÁY

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 15
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Bộ thước	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng, tác dụng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Thước rút	*Chiếc*	*06*		*Dài: (3 ÷ 5)m*
	Thước vuông	*Chiếc*	*06*		*- Dài: (250 ÷ 300)mm* *- Độ chia: 0,1mm*
	Thước cữ	*Chiếc*	*03*		*Dài: (500 ÷ 700)mm*
2	Bộ dụng cụ cắt thép thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Chạm	*Chiếc*	*01*		
	Kháp	*Bộ*	*01*		
	Kìm cộng lực	*Chiếc*	*01*		
	Kéo cần	*Chiếc*	*01*		
	Mũi vạch dấu	*Chiếc*	*01*		
3	Bộ dụng cụ uốn nắn thép thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Vam tay	*Chiếc*	*01*		*Dài: (300 ÷ 400)mm*
	Vam cần	*Chiếc*	*01*		*Dài: (700 ÷ 900)mm*
	Bàn vam	*Bộ*	*01*		*Đường kính cọc uốn: (10 ÷ 18)mm*
	Búa con	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (0,5 ÷ 1)kg*
	Búa nhỡ	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (2 ÷ 3)kg*
	Búa tạ	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (5 ÷ 7)kg*
	Đe thuyền	*Chiếc*	*01*		*Trọng lượng: (30 ÷ 70)kg*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
4	Tời thủ công	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
5	Tời điện	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 3kW
6	Dụng cụ cắt thép bằng khí	Bộ	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình oxy				
	Bình Acetylen				
	Đồng hồ đo áp suất				
	Ống dẫn khí				
	Van an toàn				
	Mỏ cắt				
7	Máy cắt đĩa	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 1kW
8	Máy cắt thép cầm tay	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: (0,7 ÷ 1,4)kW
9	Máy cắt thép cố định	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 3kW
10	Máy uốn thép	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Công suất: ≥ 3kW
11	Máy đánh gỉ	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Lưu lượng khí vào: ≥ 2 l/s
12	Bàn chải sắt	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu tính năng tác dụng và cách sử dụng	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
13	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
14	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): LẮP ĐẶT CỐT THÉP TRONG CẤU KIỆN BÊ TÔNG ĐỔ TẠI CHỖ

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy buộc cốt thép	Chiếc	01	Dùng để thực hành buộc cốt thép	Công suất: (600 ÷ 900)W
2	Thước rút	Chiếc	06	Dùng để đo, kiểm tra kích thước	Dài: (3 ÷ 5)m
3	Búa con	Chiếc	03	Dùng để thực hành nắn thép	Trọng lượng: (0,5 ÷ 1)kg
4	Móc buộc	Chiếc	06	Dùng để buộc cốt thép	Vật liệu: thép ø6 hoặc ø8
5	Giá buộc	Bộ	09	Dùng để buộc thành khung các cấu kiện	Loại thông dụng trên thị trường
6	Kéo cắn	Chiếc	01	Dùng để cắt dây thép	Loại thông dụng trên thị trường
7	Mô hình cấu kiện từ móng đến mái	Bộ	01	Dùng để trực quan bài giảng	Kích thước phù hợp với cơ sở
8	Vam cần	Bộ	01	Dùng để uốn cốt thép	Uốn được thép có đường kính tối đa 22mm
9	Giàn giáo định hình	Bộ	04	Sử dụng trong quá trình thực hành lắp buộc dầm đơn, cột, khung...	Thông dụng có sẵn trên thị trường
13	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
14	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): LẮP ĐẶT CỐT THÉP TRONG CẤU KIỆN BÊ TÔNG ĐÚC SẴN

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy buộc cốt thép	Chiếc	01	Dùng để thực hành buộc cốt thép	Công suất: (600 ÷ 900)W
2	Thước rút	Chiếc	06	Dùng để đo, kiểm tra kích thước	Dài: (3 ÷ 5)m
3	Búa con	Chiếc	03	Dùng để thực hành nắn thép	Trọng lượng: (0,5 ÷ 1)kg
4	Móc buộc	Chiếc	06	Dùng để buộc cốt thép	Vật liệu: thép ø6 hoặc ø8
5	Giá buộc	Bộ	09	Dùng để buộc thành khung các cấu kiện	Loại thông dụng trên thị trường
6	Kéo cần	Chiếc	01	Dùng để cắt dây thép	Loại thông dụng trên thị trường
7	Mô hình các cấu kiện đúc sẵn	Bộ	01	Dùng để trực quan bài giảng	Kích thước phù hợp với cơ sở
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): HÀN CỐT THÉP

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy hàn điện hồ quang xoay chiều	Chiếc	03	Dùng để thực hành hàn cốt thép ở các vị trí: hàn bằng, hàn ngang, hàn đứng	Dòng điện hàn: (80 ÷ 250)A
2	Máy hàn điện hồ quang một chiều	Chiếc	03	Dùng để thực hành hàn cốt thép ở các vị trí: hàn bằng, hàn ngang, hàn đứng	Dòng điện hàn: (80 ÷ 250)A
3	Bàn nguội	Bộ	03	Sử dụng trong quá trình thực hành	Đảm bảo cho 18 vị trí làm việc, có kèm Ê to song hành 225mm
4	Máy mài cầm tay	Chiếc	03	Dùng để mài thép trong quá trình thực hành hàn	Đường kính đá mài: (100 ÷ 125)mm
5	Máy siêu âm	Chiếc	01	Để kiểm tra chất lượng mối hàn	Siêu âm thép có chiều dầy: ≥ 18mm
6	Bàn hàn đa năng	Chiếc	03	Sử dụng cho các bài học thực hành hàn	Tối thiểu 18 vị trí làm việc
7	Cabin hàn	Bộ	03	Sử dụng cho các bài học thực hành hàn	Phù hợp với kích thước của bàn hàn đa năng. Kết nối với bộ xử lý khói hàn
8	Hệ thống hút khói hàn	Bộ	01	Sử dụng hút khí hàn sinh ra trong quá trình hàn	Có ống hút đến từng vị trí cabin
9	Thước lá	Chiếc	06	Đo được các kích thước chiều dài	- Phạm vi đo: (0 ÷ 1000)mm - Độ chia: 0,1mm
10	Búa nhỡ	Chiếc	06	Sử dụng trong quá trình gia công	Trọng lượng: (2 ÷ 3)kg

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Búa tạ	Chiếc	06	Sử dụng trong quá trình gia công	Trọng lượng: (5 ÷ 7)kg
12	Búa gõ xỉ	Chiếc	06	Dùng để gõ xỉ mối hàn	Trọng lượng: (0,3 ÷ 0,5)kg
13	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	03	Dùng để bảo quản và cất giữ dụng cụ	Kích thước tối thiểu 600 x 400 x 900
13	Máy hàn MIG, MAG	Chiếc	02	Dùng để thực hành hàn cốt thép ở các vị trí: hàn bằng, hàn ngang, hàn đứng	Dòng điện hàn: ≥ 200A
14	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
15	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CẮT CỐT THÉP

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy hàn điện hồ quang xoay chiều	Chiếc	03	Dùng để thực hành hàn cốt thép ở các vị trí: hàn bằng, hàn ngang, hàn đứng	Dòng điện hàn: (80 ÷ 250)A
2	Máy hàn điện hồ quang một chiều	Chiếc	03	Dùng để thực hành hàn cốt thép ở các vị trí: hàn bằng, hàn ngang, hàn đứng	Dòng điện hàn: (80 ÷ 250)A
3	Dụng cụ cắt thép bằng khí	Bộ	01	Dùng để thực hành cắt cốt thép di động	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình oxy				
	Bình Acetylen				
	Đồng hồ đo áp suất				
	Ống dẫn khí				
	Van an toàn				
	Mỏ cắt				
4	Máy cắt đĩa	Chiếc	01	Dùng để thực hành cắt cốt thép	Công suất: ≥ 1kW
5	Máy cắt thép cầm tay	Chiếc	01	Dùng để thực hành cắt cốt thép	Công suất: (0,7 ÷ 1,4)kW
6	Máy cắt thép cố định	Chiếc	01	Dùng để thực hành cắt cốt thép	Công suất: ≥ 3kW
7	Thước lá	Chiếc	06	Đo được các kích thước chiều dài	- Phạm vi đo: (0 ÷ 1000)mm - Độ chia: 0,1mm
8	Búa nhỡ	Chiếc	06	Sử dụng trong quá trình gia công	Trọng lượng: (2 ÷ 3)kg
9	Búa tạ	Chiếc	06	Sử dụng trong quá trình gia công	Trọng lượng: (5 ÷ 7)kg

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Búa gõ xỉ	Chiếc	06	Dùng để gõ xỉ mối hàn	Trọng lượng: (0,3 ÷ 0,5)kg
11	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	03	Dùng để bảo quản và cất giữ dụng cụ	Kích thước tối thiểu 600 x 400 x 900
12	Máy hàn MIG, MAG	Chiếc	02	Dùng để thực hành hàn cốt thép ở các vị trí: hàn bằng, hàn ngang, hàn đứng	Dòng điện hàn: ≥ 200A
13	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
14	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): CÁC CÔNG VIỆC LIÊN QUAN

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy trộn vữa	Chiếc	01	Dùng để thực hành trộn vữa	Dung tích thùng trộn: ≥ 150 lít
2	Máy trộn bê tông	Chiếc	01	Dùng để thực hành trộn bê tông	Dung tích thùng trộn: ≥ 150 lít
3	Máy đầm bàn	Chiếc	01	Dùng để thực hành đầm bê tông	Công suất: ≥ 1kW
4	Dụng cụ trộn vữa, bê tông	Bộ	02	Sử dụng trong quá trình thực hành	Thông dụng trên thị trường
	Mỗi bộ gồm				
	Cuốc	*Chiếc*	*03*		
	Xẻng	*Chiếc*	*03*		
	Xô	*Chiếc*	*06*		
	Thùng	*Chiếc*	*02*		
	Hộc	*Chiếc*	*02*		
5	Dụng cụ xây, trát	Bộ	02	Sử dụng trong quá trình thực hành	Thông dụng có sẵn trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dao xây	*Chiếc*	*09*		
	Bàn xoa	*Chiếc*	*09*		
	Bay xây	*Chiếc*	*09*		
	Thước mét	*Chiếc*	*09*		
6	Dụng cụ cầm tay nghề điện	Bộ	01	Dùng để thực hành tháo lắp điện	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tuốc nơ vít 02 cạnh	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Tuốc nơ vít 04 cạnh	*Chiếc*	*01*		
	Kìm điện	*Chiếc*	*01*		
	Kìm cắt dây	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Kìm tuốt dây	*Chiếc*	*01*		
	Bút thử điện	*Chiếc*	*01*		
	Thước mét	*Chiếc*	*01*		*Dài: ≤ 5m*
	Đồng hồ vạn năng	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
7	Búa tay	Chiếc	03	Sử dụng trong quá trình thực hành	Trọng lượng: (0,3 ÷ 0,5)kg
9	Giàn giáo định hình	Bộ	06	Dùng để thực hành lắp, tháo giàn giáo	Kích thước: (1400 x 1200)mm
10	Máy đột dập	Chiếc	01	Dùng để thực hành cắt, đột bản mã	Công suất: 3kW
11	Máy cưa gỗ cầm tay	Chiếc	01	Sử dụng trong quá trình thực hành	Công suất: ≥ 1,2kW
13	Máy bào gỗ cầm tay	Chiếc	01	Sử dụng trong quá trình thực hành	Công suất: ≥ 1,2kW
14	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
15	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): KỸ THUẬT XÂY TRÁT

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy trộn vữa	Chiếc	01	Dùng để thực hành trộn vữa	Dung tích thùng trộn: ≥ 150 lít
2	Máy cắt gạch	Chiếc	01	Dùng để thực hành cắt gạch	- Cắt được các loại gạch, đá xây dựng - Đường kính lưỡi cắt: ≥ 300mm
3	Máy vận thăng	Chiếc	01	Dùng để nâng vật liệu trong quá trình thực hành	- Tải trọng nâng: (500 ÷ 1000)kg - Có đầy đủ phụ kiện kèm theo
4	Giàn giáo định hình	Bộ	06	Sử dụng trong quá trình hướng dẫn và thực hành	Thông dụng có sẵn trên thị trường
5	Dụng cụ xây, trát	Bộ	06	Dùng để thực hành xây, trát	Thông dụng có sẵn trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Dao xây	*Chiếc*	*01*		
	Bay xây	*Chiếc*	*01*		
	Bàn xoa	*Bộ*	*01*		
	Bay trát	*Bộ*	*01*		
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
7	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): GIA CÔNG, LẮP DỰNG VÀ THÁO DỠ VÁN KHUÔN, GIÀN GIÁO

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy cưa đĩa cầm tay	Chiếc	01	Dùng để thực hành gia công xẻ ván khuôn gỗ	Công suất: ≥ 1,2kW
2	Máy bào gỗ cầm tay	Chiếc	03	Dùng để thực hành bào cốt pha, dàn giáo gỗ	Công suất: ≥ 1,2kW
3	Giàn giáo định hình	Bộ	01	Sử dụng trong quá trình hướng dẫn và thực hành	Thông dụng có sẵn trên thị trường
4	Ván khuôn định hình	Bộ	01	Dùng để trực quan và thực hành lắp đặt	Vật liệu: thép
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Ván khuôn cột	*Bộ*	*04*		
	Ván khuôn dầm	*Bộ*	*04*		
	Ván khuôn sàn	*m^2*	*20*		
5	Tăng đơ điều chỉnh	Bộ	09	Sử dụng trong quá trình thực hành lắp ván khuôn cột	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Hộp bật mực	Bộ	01	Dùng để lấy dấu khi gia công lắp dựng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Dụng cụ cầm tay nghề cốp pha	Bộ	09		
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Cưa gỗ thủ công	*Chiếc*	*01*	*Dùng để thực hành cưa, bào gỗ*	*Thông dụng có sẵn trên thị trường*
	Cầu bào	*Chiếc*	*01*		
	Búa đinh	*Chiếc*	*01*	*Sử dụng trong quá trình thực hành*	*Trọng lượng: (0,3 ÷ 0,5)kg*
	Clê, mỏ lết	*Bộ*	*01*	*Sử dụng trong quá trình thực hành*	*Độ mở: (0 ÷ 50)mm*
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): TRỘN, ĐỔ, ĐẦM BÊ TÔNG

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy trộn bê tông	Chiếc	01	Dùng để trộn bê tông khi thi công các chi tiết hoặc bộ phận có bê tông	Dung tích thùng trộn: ≥ 150 lít
2	Máy đầm bàn	Chiếc	01	Dùng để đầm rung trên bề mặt bê tông trong quá trình đổ bê tông	Công suất: ≥ 750W
3	Máy đầm dùi	Chiếc	01	Dùng để đầm bê tông	- Hiệu suất: (4 ÷ 30)m^3/h - Chiều dài dây dùi: (1,5 ÷ 6)m
4	Máy đầm cạnh	Chiếc	01	Dùng để đầm bê tông	Công suất: (750 ÷ 1380)W
5	Tời	Chiếc	01	Dùng để kéo các cấu kiện để lắp đặt trong xây dựng	Sức kéo: ≥ 200kg
6	Máy vận thăng	Chiếc	01	Dùng để nâng vật liệu bê tông	- Tải trọng nâng: (500 ÷ 1000)kg - Có đầy đủ phụ kiện kèm theo
7	Máy bơm nước	Chiếc	01	Dùng để bơm nước khi trộn bê tông và bảo dưỡng bê tông	Công suất: ≥ 750W
8	Khuôn đúc mẫu	Chiếc	03	Dùng để đúc mẫu bê tông	Thông dụng có sẵn trên thị trường
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN SINH HOẠT

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy khoan bê tông cầm tay	Chiếc	03	Dùng để khoan lỗ các loại để bắt vít	- Công suất: ≥ 800W - Có đầy đủ phụ kiện kèm theo
2	Máy cắt gạch cầm tay	Chiếc	03	Dùng để cắt các đường rãnh đặt ống gel và các ổ cắm	- Công suất: ≥ 1,2KW - Đường kính lưỡi cắt: (300 ÷ 450)mm
3	Máy bắn vít	Chiếc	03	Sử dụng để bắt các bu lông đinh vít cho các chi tiết trang trí	Momen lực: ≥ 90Nm
4	Mỏ hàn sợi đốt	Chiếc	03	Dùng để hàn trong quá trình thực hành	- Công suất: ≥ 60W - Có đầy đủ phụ kiện kèm theo
5	Mỏ hàn xung	Chiếc	03	Dùng để hàn trong quá trình thực hành	- Công suất: ≥ 60W - Có đầy đủ phụ kiện kèm theo
6	Dụng cụ cầm tay nghề điện	Bộ	01	Dùng để thực hành tháo lắp điện	
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tuốc nơ vít 02 cạnh	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*
	Tuốc nơ vít 04 cạnh	*Chiếc*	*01*		
	Kìm điện	*Chiếc*	*01*		
	Kìm cắt dây	*Chiếc*	*01*		
	Kìm tuốt dây	*Chiếc*	*01*		
	Bút thử điện	*Chiếc*	*01*		
	Thước mét	*Chiếc*	*01*		*Dài: ≤ 5m*
	Đồng hồ vạn năng	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
7	Dưỡng uốn ống nhiệt	Chiếc	03	Sử dụng uốn các góc, đường cong của ống gen, nhựa	- Bằng thép lò so - Đường kính phù hợp với ống nhựa
8	Búa tay	Chiếc	06	Sử dụng trong quá trình thực hành	Trọng lượng: (0,3 ÷ 0,5)kg
9	Đục	Chiếc	06		Dài: (200 ÷ 300)mm
10	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
11	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): HÀN ỐNG

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy hàn điện hồ quang xoay chiều	Chiếc	03	Dùng để thực hành hàn cốt thép ở các vị trí: hàn bằng, hàn ngang, hàn đứng	Dòng điện hàn: (80 ÷ 250)A
2	Bàn nguội	Bộ	03	Sử dụng trong quá trình thực hành	Có kèm Êto song hành 225mm
3	Máy mài cầm tay	Chiếc	03	Dùng để mài mối hàn	Đường kính đá mài: (100 ÷ 125)mm
4	Máy siêu âm	Chiếc	01	Để kiểm tra chất lượng mối hàn	Siêu âm thép có chiều dầy: ≥ 18mm
5	Bàn hàn đa năng	Chiếc	03	Dùng để thực hành hàn	Tối thiểu 18 vị trí làm việc
6	Cabin hàn	Bộ	03	Sử dụng cho các bài học thực hành hàn	Phù hợp với kích thước của bàn hàn đa năng
7	Hệ thống hút khói hàn	Bộ	01	Sử dụng hút khí hàn sinh ra trong quá trình hàn	Có ống hút đến từng vị trí cabin
8	Thước lá	Chiếc	06	Đo được các kích thước chiều dài	- Phạm vi đo: (0 ÷ 1000)mm - Độ chia: 0,1mm
9	Búa nhỡ	Chiếc	06	Sử dụng trong quá trình gia công	Trọng lượng: (2 ÷ 3)kg
10	Búa tạ	Chiếc	06	Sử dụng trong quá trình gia công	Trọng lượng: (5 ÷ 7)kg
11	Búa con	Chiếc	06	Dùng để gõ xỉ mối hàn	Trọng lượng: (0,5 ÷ 1)kg
12	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	03	Dùng để bảo quản và cất giữ dụng cụ	Kích thước: (600 x 400 x 1500)mm
13	Bàn chải sắt	Chiếc	06	Dùng để vệ sinh mối hàn	Có sẵn ở thị trường
14	Máy tiện, phay	Chiếc	01	Dùng để cắt ống, phay vát cạnh	Công suất: ≥ 1,2kW
15	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
16	Máy chiếu (projector)	Bộ	01		- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Phần B
TỔNG HỢP CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 21. DANH MỤC TỔNG HỢP CÁC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
I	**DỤNG CỤ, THIẾT BỊ AN TOÀN**			
1	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tủ kính	*Chiếc*	*01*	
	Panh	*Chiếc*	*01*	
	Kéo	*Chiếc*	*01*	
	Nẹp	*Chiếc*	*04*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	
	Xe đẩy			
2	Dụng cụ phòng cháy chữa cháy	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình chữa cháy loại bọt	*Chiếc*	*01*	
	Bình chữa cháy loại khí	*Chiếc*	*01*	
	Cuộn dây chữa cháy và vòi	*Cuộn*	*01*	
	Đầu báo khói	*Chiếc*	*01*	
	Bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Bộ*	*01*	
	Cuốc	*Chiếc*	*01*	
	Xẻng	*Chiếc*	*01*	
	Thang	*Chiếc*	*01*	
3	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*	
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
	Giầy bảo hộ	*Đôi*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Mặt nạ phòng độc	*Chiếc*	*01*	
	Khẩu trang	*Chiếc*	*01*	
	Găng tay	*Đôi*	*01*	
	Kính trắng	*Chiếc*	*01*	
	Dây an toàn	*Chiếc*	*01*	
	Mặt nạ hàn	*Chiếc*	*01*	
II	**DỤNG CỤ, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH**			
4	Bàn, ghế vẽ kỹ thuật	Bộ	18	- Kích thước: ≥ khổ A2 - Có điều chỉnh độ nghiêng
5	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Com pa	*Chiếc*	*01*	Vẽ đường tròn bán kính: (10 ÷ 150)mm
	Dưỡng cong	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường*
	Thước chữ T	*Chiếc*	*01*	*Dài: (300 ÷ 1000)mm*
	Thước thẳng	*Chiếc*	*01*	*Dài: (300 ÷ 1000)mm*
	Ê ke	*Chiếc*	*01*	*Loại 90^0 và 120^0*
6	Mô hình vật thể cắt bổ	Bộ	01	Vật liệu bằng gỗ, sơn phủ mặt cắt
7	Mô hình 3D	Chiếc	03	Vật liệu bằng gỗ hoặc thép
8	Mô hình mạch điện 1 chiều	Bộ	01	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Nguồn điện 1 chiều	*Chiếc*	*01*	*- U_v = 220VAC* *- $I_{đm} \geq 5A$* *- U_{ra} = (6 ÷ 24)VDC*
	Ampe met DC	*Chiếc*	*01*	*$I \leq 1A$*
	Von met DC	*Chiếc*	*01*	*$U \geq 5V$*
	Mô đun tải trở	*Bộ*	*01*	*- $U_{đm}$ = (6 ÷ 24)VDC*
	Mô đun tải biến	*Bộ*	*01*	*- $P_{đm} \leq 100W$*
9	Mô hình mạch điện xoay chiều	*Bộ*	*01*	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Nguồn điện xoay chiều	*Chiếc*	*01*	*- U_v = 220VAC* *- $I_{đm} \geq 10A$* *- U_{ra} = (90 ÷ 220)VAC*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Ampe met AC	*Chiếc*	*01*	*I ≥ 5A*
	Von met AC	*Chiếc*	*01*	*U ≥ 380V*
	Mô đun tải trở	*Bộ*	*01*	*- $U_{đm}$= (90 ÷ 220)VAC* *- $P_{đm}$ ≤ 1000W*
	Tụ điện	*Chiếc*	*01*	*P: (40 ÷ 80)W*
10	Dụng cụ cầm tay nghề điện	Bộ	18	
	Mỗi bộ bao gồm:			*Loại thông dụng trên thị trường*
	Tuốc nơ vít 02 cạnh	*Chiếc*	*01*	
	Tuốc nơ vít 04 cạnh	*Chiếc*	*01*	
	Kìm điện	*Chiếc*	*01*	
	Kìm cắt dây	*Chiếc*	*01*	
	Kìm tuốt dây	*Chiếc*	*01*	
	Bút thử điện	*Chiếc*	*01*	
	Thước mét	*Chiếc*	*01*	*Dài: ≤ 5m*
	Đồng hồ vạn năng	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường*
11	Mô hình mạch điện 3 pha	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
12	Mô hình mạch điện xoay chiều 01 pha	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường
13	Bộ thước	Bộ	06	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Thước rút	*Chiếc*	*01*	*Dài: (3 ÷ 5)m*
	Thước vuông	*Chiếc*	*01*	*- Dài: (250 ÷ 300)mm* *- Độ chia: 0,1mm*
	Thước cữ	*Chiếc*	*01*	*Dài: (500 ÷ 700)mm*
14	Bộ dụng cụ cắt thép thủ công	Bộ	06	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Chạm	*Chiếc*	*01*	
	Kháp	*Bộ*	*01*	
	Kìm cộng lực	*Chiếc*	*01*	
	Kéo cần	*Chiếc*	*01*	
	Mũi vạch dấu	*Chiếc*	*01*	
15	Bộ dụng cụ uốn nắn thép thủ công	Bộ	06	
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Vam tay	*Chiếc*	*01*	*Dài: (300 ÷ 400)mm*
	Vam cần	*Chiếc*	*01*	*Dài: (700 ÷ 900)mm*

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Bàn vam	*Bộ*	*01*	*Đường kính cọc uốn: (10 ÷ 18)mm*
	Búa con	*Chiếc*	*01*	*Trọng lượng: (0,5 ÷ 1)kg*
	Búa nhỡ	*Chiếc*	*01*	*Trọng lượng: (2 ÷ 3)kg*
	Búa tạ	*Chiếc*	*01*	*Trọng lượng: (5 ÷ 7)kg*
	Đe thuyền	*Chiếc*	*01*	*Trọng lượng: (30 ÷ 70)kg*
16	Tời thủ công	Bộ	01	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
17	Tời điện	Chiếc	01	Công suất: ≥ 3kW
18	Máy hàn điện hồ quang xoay chiều	Chiếc	03	Dòng điện hàn: (80 ÷ 250)A
19	Máy hàn điện hồ quang một chiều	Chiếc	03	Dòng điện hàn: (80 ÷ 250)A
20	Dụng cụ cắt thép bằng khí	Bộ	03	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình oxy	*Chiếc*	*01*	
	Bình Acetylen	*Chiếc*	*01*	
	Đồng hồ đo áp suất	*Chiếc*	*01*	
	Ống dẫn khí	*Chiếc*	*01*	
	Van an toàn	*Chiếc*	*01*	
	Mỏ cắt	*Chiếc*	*01*	
21	Máy cắt đĩa	Chiếc	01	Công suất: ≥ 1kW
22	Máy cắt thép cầm tay	Chiếc	01	Công suất: (0,7 ÷ 1,4)kW
23	Máy cắt thép cố định	Chiếc	01	Công suất: ≥ 3kW
24	Máy uốn thép	Chiếc	01	Công suất: ≥ 3kW
25	Máy đánh gỉ	Chiếc	01	Lưu lượng khí vào: ≥ 2 l/s
26	Bàn chải sắt	Chiếc	01	Loại thông dụng phổ biến trên thị trường
27	Máy buộc cốt thép	Chiếc	01	Công suất: (600 ÷ 900)W
28	Móc buộc	Chiếc	06	Vật liệu: thép ø6 hoặc ø8
29	Giá buộc	Bộ	09	Loại thông dụng trên thị trường
30	Bàn nguội	Bộ	03	Đảm bảo cho 18 vị trí làm việc, có kèm Êto song hành 225mm
31	Máy mài cầm tay	Chiếc	03	Đường kính đá mài: (100 ÷ 125)mm
32	Máy siêu âm	Chiếc	01	Siêu âm thép có chiều dầy: ≥ 18mm
33	Bàn hàn đa năng	Chiếc	03	Bàn hàn có ngăn kéo chứa và thoát sỉ hàn, giá kẹp chi tiết hàn có điều chỉnh được chiều cao

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
34	Cabin hàn	Bộ	03	Phù hợp với kích thước của bàn hàn đa năng Kết nối với bộ xử lý khói hàn
35	Hệ thống hút khói hàn	Bộ	01	Có ống hút đến từng vị trí cabin
36	Thước lá	Chiếc	06	- Phạm vi đo: (0 ÷ 1000)mm - Độ chia: 0,1mm
37	Búa gõ xỉ	Chiếc	06	Trọng lượng: (0,3 ÷ 0,5)kg
38	Tủ đựng dụng cụ	Chiếc	03	Kích thước: ≥ (600 x 400 x 900)mm
39	Máy hàn MIG, MAG	Chiếc	02	Dòng điện hàn: ≥ 200A
40	Máy trộn vữa	Chiếc	01	Dung tích thùng trộn: ≥ 150 lít
41	Máy trộn bê tông	Chiếc	01	Dung tích thùng trộn: ≥ 150 lít
42	Máy đầm bàn	Chiếc	01	Công suất: ≥ 1kW
43	Dụng cụ trộn vữa, bê tông	Bộ	02	Thông dụng có sẵn trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Cuốc	*Chiếc*	*03*	
	Xẻng	*Chiếc*	*03*	
	Xô	*Chiếc*	*06*	
	Thùng	*Chiếc*	*02*	
	Hộc	*Chiếc*	*02*	
44	Dụng cụ xây, trát	Bộ	02	Thông dụng có sẵn trên thị trường
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Dao xây	*Chiếc*	*09*	
	Bàn xoa	*Chiếc*	*09*	
	Bay xây	*Chiếc*	*09*	
	Thước mét	*Chiếc*	*09*	
45	Máy đột dập	Chiếc	01	Công suất: 3kW
46	Máy cưa gỗ cầm tay	Chiếc	01	Công suất: ≥ 1,2kW
47	Máy bào gỗ cầm tay	Chiếc	01	Công suất: ≥ 1,2kW
48	Mô hình cấu kiện từ móng đến mái	Bộ	01	Kích thước phù hợp với cơ sở
49	Mô hình các cấu kiện đúc sẵn	Bộ	01	Kích thước phù hợp với cơ sở
50	Giàn giáo định hình	Bộ	04	Thông dụng có sẵn trên thị trường
III	**THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO**			
51	Máy vi tính	Bộ	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
52	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	- Kích thước phông chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm - Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens

Phần C
DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG THEO MÔN HỌC, MÔ ĐUN TỰ CHỌN

Bảng 22. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): KỸ THUẬT XÂY TRÁT

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Thước tầm	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường
2	Máng đựng vữa	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 23. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): GIA CÔNG, LẮP DỰNG, THÁO GỠ VÁN KHUÔN, GIÀN GIÁO

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mô hình cấu tạo ván khuôn	Bộ	01	Chất liệu: gỗ và thép

Bảng 24. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): TRỘN, ĐỔ, ĐẦM BÊ TÔNG
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Que xọc	Chiếc	03	Dài: (16 ÷ 22)mm

Bảng 25. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): LẮP ĐẶT MẠNG ĐIỆN SINH HOẠT
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 25
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy bắn vít	Chiếc	03	Momen lực: ≥ 90Nm
2	Mỏ hàn sợi đốt	Chiếc	03	- Công suất: ≥ 60W - Có đầy đủ phụ kiện kèm theo
3	Mỏ hàn xung	Chiếc	03	- Công suất: ≥ 60W - Có đầy đủ phụ kiện kèm theo
4	Cưa sắt	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường
5	Dây an toàn	Chiếc	03	Loại thông dụng trên thị trường

Bảng 26. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): HÀN ỐNG
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Cốt thép - Hàn
Mã số mô đun: MĐ 26
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mô hình mẫu hàn ống liên kết góc	Mẫu	02	- Chiều dày: (2 ÷ 10)mm - Chiều dài: (300 ÷ 500)mm
2	Mô hình mẫu hàn ống liên kết kết chữ T	Mẫu	02	- Chiều dày: (2 ÷ 10)mm - Chiều dài: (300 ÷ 500)mm

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ
Trình độ: Trung cấp nghề
(Kèm theo Quyết định số 1730/QĐ-BLĐTBXH ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Quản Văn Giáo	Cử nhân Kinh tế	Chủ tịch HĐTĐ
2	Ông Bùi Văn Dũng	Thạc sĩ xây dựng	P. Chủ tịch HĐTĐ
3	Ông Nguyễn Tiến Bộ	Kỹ sư Điện - Điện tử	Ủy viên thư ký
4	Ông Hòa Thanh Sơn	Thạc sĩ xây dựng	Ủy viên
5	Ông Trần Đức Tiệp	Thạc sĩ xây dựng	Ủy viên
6	Ông Trần Khắc Liêm	Thạc sĩ xây dựng	Ủy viên
7	Ông Phạm Đăng Khanh	Thợ bậc cao Cốt thép	Ủy viên

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 20a

DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU DẠY NGHỀ BÁN HÀNG TRONG SIÊU THỊ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã nghề: 40340118
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Năm 2015

Mục lục

Phần thuyết minh

Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn)

Bảng 1. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại (MH 07)

Bảng 2. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Kinh tế thương mại cơ bản (MH 08)

Bảng 3. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Tâm lý học kinh doanh (MH 09)

Bảng 4. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Marketing thương mại (MH 10)

Bảng 5. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Tổng quan về siêu thị (MH 11)

Bảng 6. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Thương phẩm học (MH 12)

Bảng 7. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Tin học văn phòng (MĐ 13)

Bảng 8. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): Thương mại điện tử căn bản (MH 14)

Bảng 9. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (bắt buộc): An toàn vệ sinh lao động (MH 15)

Bảng 10. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh (MĐ 16)

Bảng 11. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Kỹ thuật quảng cáo trong siêu thị (MĐ 17)

Bảng 12. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Vận chuyển hàng hóa trong siêu thị (MĐ 18)

Bảng 13. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Kỹ thuật trưng bày hàng hóa (MĐ 19)

Bảng 14. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Kỹ thuật bảo quản hàng hóa (MĐ 20)

Bảng 15. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ xuất và nhập hàng hóa trong siêu thị (MĐ 21)

Bảng 16. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ bán hàng trong siêu thị (MĐ 22)

Bảng 17. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Nghiệp vụ chăm sóc khách hàng (MĐ 23)

Bảng 18. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Sử dụng phần mềm và thiết bị bán hàng (MĐ 24)

Bảng 19. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (bắt buộc): Thực tập tốt nghiệp (MĐ 25)

Bảng 20. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Kỹ thuật soạn thảo văn bản (MH 26)

Bảng 21. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Tiếng Anh giao tiếp cho nhân viên bán hàng (MĐ 27)

Bảng 22. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Hành vi người tiêu dùng (MĐ 28)

Bảng 23. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Khởi sự doanh nghiệp (MĐ 29)

Bảng 24. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Nghiệp vụ bán hàng điện máy (MĐ 30)

Bảng 25. Danh mục thiết bị tối thiểu mô đun (tự chọn): Siêu thị trực tuyến (MĐ 31)

Bảng 26. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Kế toán lưu chuyển hàng hóa trong các doanh nghiệp thương mại (MH 32)

Bảng 27. Danh mục thiết bị tối thiểu môn học (tự chọn): Quản trị mua hàng và lưu kho (MH 33)

Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 28. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Phần C. Danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn

Bảng 29. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Tiếng Anh giao tiếp cho nhân viên bán hàng (MĐ 27)

Bảng 30. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Hành vi người tiêu dùng (MĐ 28)

Bảng 31. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Nghiệp vụ bán hàng điện máy (MĐ 30)

Bảng 32. Danh mục thiết bị bổ sung mô đun (tự chọn): Siêu thị trực tuyến (MĐ 31)

Bảng 33. Danh mục thiết bị bổ sung môn học (tự chọn): Kế toán lưu chuyển hàng hóa (MH 32)

Bảng 34. Danh mục thiết bị bổ sung môn học (tự chọn): Quản trị mua hàng và lưu kho (MH 33)

Danh sách hội đồng thẩm định danh mục thiết bị dạy nghề Bán hàng trong siêu thị

PHẦN THUYẾT MINH

Danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Bán hàng trong siêu thị trình độ trung cấp nghề là danh mục các loại thiết bị dạy nghề (*dụng cụ, mô hình, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh…*) và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị dạy nghề mà trường đào tạo nghề trên trên phải có để tổ chức dạy và học cho 01 lớp học thực hành tối đa 18 sinh viên và lớp học lý thuyết tối đa 35 sinh viên, theo chương trình khung nghề Bán hàng trong siêu thị đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành kèm theo Thông tư số 44/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2013

I. Nội dung danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Bán hàng trong siêu thị trình độ trung cấp nghề

1. Phần A. Danh mục thiết bị tối thiểu theo từng môn học, mô đun (bắt buộc, tự chọn).

Chi tiết từ bảng 01 đến bảng 27, danh mục thiết bị tối thiểu cho từng môn học, mô đun bao gồm:

- Chủng loại và số lượng thiết bị tối thiểu, cần thiết đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

- Yêu cầu sư phạm của thiết bị.

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị bao gồm các thông số kỹ thuật chính, cần thiết của thiết bị, đáp ứng yêu cầu của môn học, mô đun.

2. Phần B. Tổng hợp thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc

Bảng 28 - Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc Trong bảng này:

- Chủng loại thiết bị là tất cả thiết bị có trong danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc;

- Số lượng thiết bị của từng chủng loại là số lượng tối thiểu đáp ứng yêu cầu của các môn học, mô đun bắt buộc;

- Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của mỗi chủng loại thiết bị đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật của chủng loại đó trong các môn học, mô đun bắt buộc.

3. Phần C. Danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn

Đây là các danh mục thiết bị bổ sung theo môn học, mô đun tự chọn (từ bảng 29 đến bảng 34) dùng để bổ sung cho phần B.

II. Áp dụng danh mục thiết bị tối thiểu dạy nghề Bán hàng trong siêu thị

Các trường đào tạo nghề Bán hàng trong siêu thị, trình độ trung cấp nghề đầu tư thiết bị dạy nghề theo:

1. Danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc (bảng 28).

2. Danh mục thiết bị bổ sung tương ứng với môn học, mô đun tự chọn. Loại bỏ thiết bị trùng lặp giữa các môn học, mô đun tự chọn (nếu có).

3. Quy mô, kế hoạch đào tạo cụ thể của trường (có tính đến thiết bị sử dụng chung giữa các nghề khác nhau trong trường).

Phần A
DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU THEO TỪNG MÔN HỌC, MÔ ĐUN (BẮT BUỘC, TỰ CHỌN)

Bảng 1. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (BẮT BUỘC): CƠ SỞ PHÁP LÝ TRONG KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 07
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
2	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
3	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hướng dẫn và cập nhật các kiến thức pháp luật trong kinh doanh	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
4	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 2. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): KINH TẾ THƯƠNG MẠI CƠ BẢN

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 08
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
2	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
3	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hướng dẫn và cập nhật các thông tin về kinh tế thương mại	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
4	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 3. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TÂM LÝ HỌC KINH DOANH

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 09
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
2	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
3	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hướng dẫn và cập nhật các kiến thức về tâm lý học kinh doanh	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
4	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 4. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): MARKETING THƯƠNG MẠI

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 10
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
2	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
3	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hướng dẫn thu thập thông tin về thị trường và môi trường marketing	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
4	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 5. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): TỔNG QUAN VỀ SIÊU THỊ

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 11
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
2	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
3	Mô hình gian hàng siêu thị	Bản	01	Dùng để giới thiệu, giúp học sinh thực hành phân loại bố trí gian hàng	- Chất liệu: Giấy hoặc gỗ - Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
4	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hướng dẫn thu thập thông tin về các mô hình siêu thị và các hoạt động trong siêu thị	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
5	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
6	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
7	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 6. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): THƯƠNG PHẨM HỌC

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 12
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
2	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
3	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hướng dẫn thu thập thông tin về các ngành hàng trong siêu thị	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
4	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu.	Công suất: ≥ 500VA/300W
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 7. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): TIN HỌC VĂN PHÒNG

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 13
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy in	Chiếc	01	Dùng để hỗ trợ cho bài học định dạng và in ấn	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy Photocopy	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành nghiệp vụ tin học văn phòng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy Scan	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành nghiệp vụ tin học văn phòng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy Fax	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành nghiệp vụ tin học văn phòng	Tốc độ truyền dữ liệu ≥ 8 giây/trang
5	Máy điện thoại để bàn	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành nghiệp vụ tin học văn phòng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hướng dẫn và cập nhật thông tin về tin học văn phòng	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
7	Bàn, ghế vi tính	Bộ	19	Dùng để thực hành tin học văn phòng	Kích thước bàn: ≥ (0.59 x 0.48 x 0.76)m, kèm theo ghế
8	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Dùng làm môi trường cài đặt các phần mềm ứng dụng*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ rèn luyện kỹ năng tin học văn phòng*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
9	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
10	Bộ lưu điện	Bộ	19	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
11	Thiết bị định tuyến (Router)	Chiếc	01	Dùng để kết nối mạng	Gồm 2 cổng nối tiếp, 2 cổng đồ họa mở rộng, 1 cổng màn hình
12	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	Dùng để kết nối các máy tính thành hệ thống mạng	Kết nối được 19 máy vi tính với nhau
13	Máy vi tính	Bộ	19	- Dùng để trình chiếu, hỗ trợ quá trình giảng dạy - Sử dụng để hướng dẫn thực hành và rèn luyện kỹ năng soạn thảo văn bản	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
14	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 8. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CĂN BẢN

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 14
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để trình chiếu, hỗ trợ quá trình giảng dạy và dùng để học sinh thực hành	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
2	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 9. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (BẮT BUỘC): AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 15
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Dùng để giới thiệu và sử dụng tập huấn phòng cháy chữa cháy	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Bình xịt bọt khí CO_2	*Chiếc*	*01*		
	Bình chữa cháy bột	*Chiếc*	*01*		
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Vòi rồng chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Trụ chữa cháy	*Chiếc*	*01*		
	Hộp đựng thiết bị phòng cháy chữa cháy	*Chiếc*	*01*		

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
2	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sử dụng các thiết bị an toàn lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*		
	Mặt nạ phòng độc	*Chiếc*	*01*		
	Ủng cao su	*Đôi*	*01*		
	Găng tay cao su	*Đôi*	*01*		
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
	Kính bảo hộ	*Chiếc*	*01*		
3	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sơ cứu nạn nhân	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:				
	Tủ đựng y tế	*Chiếc*	*01*		
	Các dụng cụ sơ cứu: Panh, kéo	*Bộ*	*01*		
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*		
4	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 10. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): KỸ NĂNG GIAO TIẾP TRONG KINH DOANH

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 16
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng máy fax	Tốc độ truyền dữ liệu ≥ 8 giây/trang
2	Máy in	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy quay phim	Chiếc	01	Dùng để ghi lại các thao tác trong quá trình thực hành để đánh giá nhận xét	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy ghi âm	Chiếc	01	Dùng để điều chỉnh giọng nói trong quá trình giao tiếp	- Dung lượng ≥ 4GB - Thời gian ghi âm: (15 ÷ 20)h liên tục
5	Máy điện thoại để bàn	Chiếc	06	Dùng để thực hành kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Được kết nối cặp song song
6	Tổng đài nội bộ	Bộ	01	Dùng để hỗ trợ thực hành kỹ năng giao tiếp bằng điện thoại	- Khả năng mở rộng tối đa 8 đường vào bưu điện - Ra 24 máy lẻ nội bộ
7	Thẻ đeo	Chiếc	18	Dùng để hướng dẫn thực hành	- Loại có dây đeo - Chất liệu bằng giấy hoặc bằng nhựa mika
8	Gương soi	Chiếc	02	Dùng để thực hành kiểm tra phong cách kỹ năng giao tiếp không lời	Kích thước: ≥ 1.8m x 0.7m

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
10	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
11	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
12	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 11. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): KỸ THUẬT QUẢNG CÁO TRONG SIÊU THỊ

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 17
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Banner quảng cáo	Chiếc	06	Dùng để hướng dẫn cách đặt và trình bày quảng cáo	Chất liệu bằng nhựa hoặc mika
2	Mô hình gian hàng siêu thị	Chiếc	06	Dùng để giới thiệu về gian hàng	- Chất liệu: Giấy hoặc gỗ - Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
3	Phần mềm thiết kế quảng cáo	Bản	01	Dùng để thực hành ứng dụng phần mềm để quảng cáo	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Trang web có tên miền và host	Gói	01	Dùng để giảng dạy và thực hành các nghiệp vụ quảng cáo	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
5	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành nghiệp vụ quảng cáo trong siêu thị	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
6	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
7	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính, máy chiếu và máy chủ	Công suất: ≥ 500VA/300W
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
9	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 12. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA TRONG SIÊU THỊ

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 18
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Xe đẩy hàng hóa	Chiếc	1	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành	- Kích thước: ≥ 920mm x 610mm - Cao tay cầm: ≥ 870mm - Đường kính bánh xe: ≥ 130mm - Tải trọng: 300kg
2	Mô hình xe nâng hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cho học sinh	Chất liệu bằng gỗ hoặc bằng giấy
3	Mô hình xe chở hàng hóa bên trong siêu thị	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu mẫu xe chở hàng hóa bên trong siêu thị	Mô hình hoạt động được
4	Máy dán băng dính	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn đóng gói hàng hóa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy dập ghim loại lớn	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành đóng gói hàng hóa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Thùng giấy loại lớn	Chiếc	05	Dùng để hướng dẫn thực hành cách di chuyển hàng hóa lẻ	Chất liệu bằng giấy
7	Kệ để hàng hóa (pallet)	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành để hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa cứng - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
8	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
9	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 13. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): KỸ THUẬT TRƯNG BÀY HÀNG HÓA

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 19
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Xe đẩy hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	- Kích thước: ≥ 920mm x 610mm - Cao tay cầm: ≥ 870mm - Đường kính bánh xe: ≥ 130mm - Tải trọng: 300kg
2	Kệ để hàng hóa (Pallet)	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa cứng - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
3	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành trưng bày hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
4	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng trưng bày hàng hóa	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
5	Gian hàng mẫu	Gian	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng trưng bày	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
6	Phần mềm mô phỏng gian hàng	Bản	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành mô phỏng bố trí sắp xếp hàng hóa trên gian hàng	Phiên bản thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Bảng chỉ dẫn	Chiếc	06	Dùng để thực hành bày trí khu vực mua sắm	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
8	Dụng cụ dán nhãn, dán giá trên kệ	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dán	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
9	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
10	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 14. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): KỸ THUẬT BẢO QUẢN HÀNG HÓA

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 20
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Quần áo bảo hộ lao động	Bộ	01	Dùng để giới thiệu cách sử dụng quần áo bảo hộ lao động	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
2	Găng tay ni lông	Hộp	01	Dùng để hướng dẫn học sinh cách dùng đối với hàng hóa cần bảo quản	Chất liệu bằng ni lông trong suốt
3	Tủ mát	Chiếc	01	Dùng để thực hành, hướng dẫn cách bảo quản hàng hóa ở các nhiệt độ	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Tủ đông	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn, thực hành bảo quản hàng hóa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa bảo quản	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
6	Xe đẩy hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp đồ trên xe đẩy cho khách	- Kích thước: ≥ 920mm x 610mm - Cao tay cầm: ≥ 870mm - Đường kính bánh xe: ≥ 130mm - Tải trọng: 300kg
7	Kệ trưng bày hàng hóa	Chiếc	02	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa bảo quản	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
8	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành sắp xếp, bố trí, phân loại hàng hóa bảo quản	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Giỏ hàng xách tay	Chiếc	02	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp đồ trong giỏ hàng	- Chất liệu bằng nhựa - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Giỏ hàng kéo tay siêu thị	Chiếc	02	Dùng để nhận biết, thực hành kỹ năng xếp hàng	- Chất liệu bằng nhựa - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Móc treo hàng siêu thị	Chiếc	02	Dùng để nhận biết, thực hành kỹ năng sắp xếp hàng	- Chất liệu thép không gỉ - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
12	Bảng tra độ ẩm tuyệt đối	Chiếc	01	Dùng để thực hành tra độ ẩm cho nơi bảo quản hàng hóa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
13	Nhiệt kế	Chiếc	01	Dùng để thực hành đo nhiệt độ thích hợp cho bảo quản hàng hóa	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
14	Túi để hàng hóa	Kg	01	Dùng để hướng dẫn học sinh cách đóng gói hàng hóa	Chất liệu bằng ni lông
15	Hộp để hàng hóa	Chiếc	06	Dùng để hướng dẫn học sinh cách đóng gói hàng cần bao bì	Chất liệu bằng giấy
16	Mẫu biểu	Bộ	01	Dùng để nhận biết và thực hành kiểm tra chất lượng hàng hóa lưu kho	Loại thông dụng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính
	Một bộ bao gồm:				
	Hóa đơn	*Chiếc*	*01*		
	Phiếu xuất kho	*Chiếc*	*01*		
	Phiếu nhập kho	*Chiếc*	*01*		
	Thẻ kho	*Chiếc*	*01*		
	Sổ nhập xuất tồn	*Chiếc*	*01*		
17	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 15. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ XUẤT VÀ NHẬP HÀNG HÓA TRONG SIÊU THỊ

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 21
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy dán tem hàng	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy gỡ tem cứng	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy khử tem mềm	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành khử tem	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Mô hình xe nâng hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cho học sinh	Chất liệu bằng gỗ hoặc bằng giấy
5	Thẻ kho	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn nhận biết, thực hành kỹ năng quản lý hàng nhập, xuất	Mẫu thông dụng của các doanh nghiệp
6	Phần mềm ứng dụng quản lý xuất nhập hàng hóa	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn học sinh sử dụng phần mềm trong hoạt động xuất và nhập hàng hóa	Phiên bản thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Cân	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành cân hàng	Trọng lượng ≤ 100Kg
8	Kệ để hàng hóa (Pallet)	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa cứng - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
9	Găng tay vải	Đôi	05	Dùng để hướng dẫn thực hành	Chất liệu bằng vải dầy
10	Tem mềm	Chiếc	10	Dùng để hướng dẫn thực hành	Chất liệu: kim loại

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
11	Tem cứng	Chiếc	10	Dùng để hướng dẫn thực hành	Chất liệu: nhựa từ cứng
12	Phiếu nhập hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kê phiếu nhập hàng hóa	Mẫu thông dụng của các doanh nghiệp đang sử dụng
13	Phiếu xuất hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kê phiếu xuất hàng hóa	Mẫu thông dụng của các doanh nghiệp đang sử dụng
14	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 16. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG TRONG SIÊU THỊ

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 22
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đọc mã	- Tốc độ: ≥ 100 scan/s - Độ mịn: ≥ 3 mil - Khoảng cách đọc: 0mm ÷ 110mm
2	Máy in mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành in mã	- Tốc độ in: ≥ 8 IPS - Độ rộng in: ≥ 103.9mm - Chiều dài in: 6,35mm ÷ 2539,2mm
3	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành sử dụng máy	Tốc độ đếm: ≥ 1000 tờ/phút
4	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành sử dụng máy	- Điện áp: 220V/AC ÷ 50Hz - Bóng cực tím chữ H: 11w x 2
5	Bàn thu ngân chuyên dụng	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cấu tạo và thực hành	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành
6	Cổng từ an ninh siêu thị	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	- Khoảng cách thu phát: ≥ 0.7m và ≤ 2.8m - Tem quản lý: Tem mềm, tem cứng, tem trắng… - Vật liệu: Đế và khung kim loại - Tần số phát: 8.2MHZ - Nguồn nuôi: 24V
7	Camera giám sát	Chiếc	01	Dùng để theo dõi quản lý hàng bán và quét hình ảnh	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	- Cơ sở dữ liệu: SQL Server 2012 trở lên - Đặc tính: tùy biến động, đa ngôn ngữ, tích hợp thiết bị phần cứng dễ dàng

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành bày hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
10	Tủ đựng đồ cho khách hàng	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn nhận biết	- Chất liệu gỗ hoặc sắt - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
11	Kệ để hàng hóa (pallet)	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng bán hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa cứng - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
12	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành bày hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
13	Xe đẩy hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng sắp xếp đồ trên xe đẩy	- Kích thước: ≥ 920mm x 610mm - Cao tay cầm: ≥ 870mm - Đường kính bánh xe: ≥ 130mm - Tải trọng: 300kg
14	Giỏ hàng kéo tay siêu thị	Chiếc	01	Dùng để nhận biết, thực hành kỹ năng xếp hàng	- Chất liệu bằng nhựa - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Móc treo hàng siêu thị	Chiếc	01	Dùng để nhận biết, thực hành kỹ năng sắp xếp hàng	- Chất liệu thép không gỉ - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Giỏ hàng xách tay	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu và hướng dẫn sắp xếp	- Chất liệu bằng nhựa - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Cân	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu và hướng dẫn thực hành cân trọng lượng	Trọng lượng ≤ 100Kg
18	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
19	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 17. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): NGHIỆP VỤ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 23
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in giấy mời, phiếu điều tra phục vụ công tác chăm sóc khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy fax	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành chuyển fax cho khách hàng	Tốc độ truyền dữ liệu ≥ 8 giây/trang
3	Máy scan	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành scan	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Máy điện thoại để bàn	Chiếc	06	Dùng để thực hành kỹ năng giao tiếp với khách hàng qua điện thoại	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Được kết nối cặp song song
5	Máy điện thoại di động	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành	Bộ nhớ ≥ 4gb
6	Trang web có tên miền và host	Gói	01	Dùng để giảng dạy và thực hành các nghiệp vụ thương mại điện tử ứng dụng trên web	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
7	Bộ chuyển mạch (SWITCH)	Bộ	01	Dùng để kết nối mạng lan giữa các máy vi tính	≥ 24 cổng 10/100/1000
8	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành nghiệp vụ thương mại điện tử	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
9	Phần mềm quản lý khách hàng	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành quản lý khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
10	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
11	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
12	Bàn, ghế vi tính	Bộ	19	Dùng để hỗ trợ thực hành nghiệp vụ	Kích thước bàn: ≥ (0.59 x 0.48 x 0.76)m, kèm theo ghế
13	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
14	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để trình chiếu, hỗ trợ quá trình giảng dạy và dùng để cho học sinh thực hành	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
15	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 18. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): SỬ DỤNG PHẦN MỀM VÀ THIẾT BỊ BÁN HÀNG

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy in	Chiếc	01	Dùng để in giấy mời, phiếu điều tra phục vụ công tác chăm sóc khách hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để cài đặt hệ điều hành server	Chạy được hệ điều hành Server phổ biến, có ít nhất 3 ổ cứng hỗ trợ chống lỗi ổ cứng (RAID 0, 1 và 5)
3	Hệ điều hành server	Bộ	01	Sử dụng để cài đặt và cấu hình trên máy tính server	Phiên bản phổ biến
4	Cổng từ an ninh siêu thị	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	- Khoảng cách thu phát: ≥ 0.7m và ≤ 2.8m - Tem quản lý: Tem mềm, tem cứng, tem trắng… - Vật liệu: Đế và khung kim loại - Tần số phát: 8.2MHZ - Nguồn nuôi: 24V
5	Camera giám sát	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Trang web có tên miền và host	Gói	01	Dùng để giảng dạy và thực hành các nghiệp vụ phần mềm	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
7	Bộ chuyển mạch (SWITCH)	Bộ	01	Dùng để kết nối mạng lan giữa các máy vi tính	≥ 24 cổng 10/100/1000
8	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Dùng để hỗ trợ giảng dạy và thực hành nghiệp vụ sử dụng phần mềm và thiết bị bán hàng	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Phần mềm quản lý mã vạch	Bộ	01	Dùng để thực hành làm mã vạch cho từng loại hàng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng sử dụng phần mềm khi bán hàng	- Cơ sở dữ liệu: SQL Server 2012 trở lên - Đặc tính: tùy biến động, đa ngôn ngữ, tích hợp thiết bị phần cứng dễ dàng
11	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản, trình chiếu, bảng tính...*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
12	Bàn, ghế vi tính	Bộ	19	Dùng để hỗ trợ thực hành nghiệp vụ	Kích thước bàn: ≥ (0.59 x 0.48 x 0.76)m, kèm theo ghế
13	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
14	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để trình chiếu, hỗ trợ quá trình giảng dạy và dùng để học sinh thực hành	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
15	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 19. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (BẮT BUỘC): THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 24
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 20. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 26
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Dùng làm môi trường cài đặt các phần mềm ứng dụng hỗ trợ môn học*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ soạn thảo văn bản*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
2	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
3	Bàn, ghế vi tính	Bộ	19	Dùng để thực hành kỹ năng soạn thảo văn bản	Kích thước bàn: ≥ (0.59 x 0.48 x 0.76)m, kèm theo ghế
4	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
5	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để trình chiếu, hỗ trợ quá trình giảng dạy và dùng để cho học sinh thực hành	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
6	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 21. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): TIẾNG ANH GIAO TIẾP CHO NHÂN VIÊN BÁN HÀNG

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Ca bin học ngoại ngữ	Bộ	36	Sử dụng để giảng dạy và học tập	Đầy đủ phụ kiện kèm theo đảm bảo theo tiêu chuẩn phòng lab
2	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 22. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 28
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy quay phim	Chiếc	01	Dùng để quay lại các hành vi của người tiêu dùng làm tư liệu phục vụ thảo luận và thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chụp ảnh	Chiếc	01	Dùng để quay lại các hành vi của người tiêu dùng làm tư liệu phục vụ thảo luận và thực hành	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy ghi âm	Chiếc	01	Dùng để ghi lại các ý kiến của người tiêu dùng làm tư liệu phục vụ thảo luận và thực hành	- Dung lượng ≥ 4GB - Thời gian ghi âm: (15 ÷ 20)h liên tục
4	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để khuếch đại âm thanh khi trình chiếu hình ảnh, tư liệu	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Chiếc*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 23. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 29
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 24. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG ĐIỆN MÁY

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 30
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Kệ để hàng hóa (Pallet)	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành kỹ năng bán hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa cứng - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
2	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành bày hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
3	Tủ đựng đồ cho khách hàng	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn nhận biết tủ	- Chất liệu gỗ hoặc sắt - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
4	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành bày hàng	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
5	Mô hình gian hàng điện máy	Mô hình	01	Dùng để giới thiệu các gian hàng điện máy	Kích thước phù hợp trong giảng dạy
6	Xe đẩy hàng hóa	Chiếc	01	Dùng để thực hành kỹ năng sắp xếp dồ trên xe đẩy	- Kích thước: ≥ 920mm x 610mm - Cao tay cầm: ≥ 870mm - Đường kính bánh xe: ≥ 130mm - Tải trọng: 300kg
7	Giỏ hàng xách tay	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành	- Chất liệu bằng nhựa - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
8	Bàn thu ngân chuyên dụng	Chiếc	01	Dùng để giới thiệu cấu tạo và thực hành	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành
9	Thẻ thanh toán	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành quẹt thẻ thanh toán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
10	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành đọc mã	- Tốc độ: ≥ 100 scan/s - Độ mịn: ≥ 3 mil - Khoảng cách đọc: 0mm ÷ 110mm
11	Máy in mã vạch	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn thực hành in mã	- Tốc độ in: ≥ 8 IPS - Độ rộng in: ≥103.9mm - Chiều dài in: 6,35mm ÷ 2539,2mm
12	Máy đếm tiền	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn sử dụng máy	Tốc độ đếm ≥ 1000 tờ/phút
13	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn sử dụng máy	- Điện áp: 220V/AC ÷ 50Hz - Bóng cực tím chữ H: 11w x 2
14	Máy quẹt thẻ	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn sử dụng máy	- Dung lượng bộ nhớ: ≥ 100.000 lần - Tốc độ xử lý < (1s ÷ 2s)/1 lần chấm công - Có kết nối dữ liệu từ xa qua mạng internet

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
15	Máy gỡ tem cứng	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Máy khử tem mềm	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Cổng từ an ninh siêu thị	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	- Khoảng cách thu phát: ≥ 0.7m và ≤ 2.8m - Tem quản lý: Tem mềm, tem cứng, tem trắng… - Vật liệu: Đế và khung kim loại - Tần số phát: 8.2MHZ - Nguồn nuôi: 24V
18	Camera giám sát	Chiếc	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	Dùng để thực hành kỹ năng thuyết trình	
	Một bộ bao gồm:				
	Âm ly	*Bộ*	*01*		*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*		*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*		*Công suất loa ≥ 20W*
20	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu	Công suất: ≥ 500VA/300W
21	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
22	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 25. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): SIÊU THỊ TRỰC TUYẾN

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 31
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Dùng để cài đặt hệ điều hành server	Chạy được hệ điều hành Server phổ biến, có ít nhất 3 ổ cứng hỗ trợ chống lỗi ổ cứng (RAID 0,1 và 5)
2	Hệ điều hành server	Bộ	01	Sử dụng để cài đặt và cấu hình trên máy tính server	Phiên bản phổ biến
3	Bộ chuyển mạch (SWITCH)	Bộ	01	Dùng để kết nối mạng lan giữa các máy vi tính	≥ 24 cổng 10/100/1000
4	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	Dùng để kết nối các máy tính thành hệ thống mạng	Kết nối được 19 máy vi tính với nhau
5	Phần mềm siêu thị trực tuyến	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành tạo lập một siêu thị trực tuyến	Phiên bản thông dụng trên thị trường
6	Phần mềm máy tính	Bộ	01		Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:				
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	*Hỗ trợ thực hiện ứng dụng trên máy tính*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	*Dùng để rèn luyện thực hành*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	*Dùng để hỗ trợ gõ tiếng Việt*	
7	Bàn, ghế vi tính	Bộ	19	Dùng để thực hành	Kích thước bàn: ≥ (0.59 x 0.48 x 0.76)m, kèm theo ghế
8	Bộ lưu điện	Bộ	01	Dùng để giữ nguồn điện ổn định cho máy tính và máy chiếu, máy chủ	Công suất: ≥ 500VA/300W

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
9	Máy vi tính	Bộ	19	Dùng để trình chiếu, hỗ trợ quá trình giảng dạy và để cho học sinh thực hành	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
10	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu bài giảng	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 26. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔN HỌC (TỰ CHỌN): KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 32
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm kế toán	Bộ	01	Dùng để hướng dẫn thực hành và rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ kế toán	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm
2	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
3	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Bảng 27. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): QUẢN TRỊ MUA HÀNG VÀ LƯU KHO

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 33
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu sư phạm của thiết bị	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dùng máy	- Tốc độ: ≥ 100 scan/s - Độ mịn: ≥ 3 mil - Khoảng cách đọc: 0mm ÷ 110mm
2	Máy in mã vạch	Chiếc	01	Dùng để hướng dẫn thực hành dùng máy	- Tốc độ in: ≥ 8IPS - Độ rộng in: ≥ 103.9mm - Chiều dài in: 6,35mm ÷ 2539,2mm
3	Cân	Chiếc	02	Dùng để hướng dẫn học sinh thực hành	Trọng lượng ≤ 100Kg
4	Phần mềm quản lý kho	Bộ	01	Dùng để thực hành quản lý hàng bán và tồn	Phiên bản thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy vi tính	Bộ	01	Dùng để lưu trữ, xử lý thông tin và trình chiếu bài giảng	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
6	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01	Dùng để trình chiếu và mô phỏng trong quá trình giảng dạy	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Phần B
TỔNG HỢP THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Bảng 28. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU CHO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN BẮT BUỘC

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ AN TOÀN			
1	Dụng cụ phòng cháy, chữa cháy	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Bình xịt bọt khí CO_2	*Chiếc*	*01*	
	Bình chữa cháy bột	*Chiếc*	*01*	
	Các bảng tiêu lệnh chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Vòi rồng chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Trụ chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
	Hộp đựng thiết bị phòng cháy chữa cháy	*Chiếc*	*01*	
2	Dụng cụ bảo hộ lao động	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn lao động
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Quần áo bảo hộ	*Bộ*	*01*	
	Mặt nạ phòng độc	*Chiếc*	*01*	
	Ủng cao su	*Đôi*	*01*	
	Găng tay cao su	*Đôi*	*01*	
	Mũ bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
	Kính bảo hộ	*Chiếc*	*01*	
3	Dụng cụ cứu thương	Bộ	01	Theo tiêu chuẩn Việt Nam về dụng cụ y tế
	Mỗi bộ bao gồm:			
	Tủ đựng y tế	*Chiếc*	*01*	
	Các dụng cụ sơ cứu: Panh, kéo	*Bộ*	*01*	
	Cáng cứu thương	*Chiếc*	*01*	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
	THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH			
4	Máy in	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
5	Máy Photocopy	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
6	Máy Scan	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
7	Máy Fax	Chiếc	01	Tốc độ truyền dữ liệu ≥ 8 giây/trang
8	Máy điện thoại để bàn	Chiếc	06	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Được kết nối cặp song song
9	Máy điện thoại di động	Chiếc	01	Bộ nhớ ≥ 4gb
10	Máy chủ (Server)	Bộ	01	Chạy được hệ điều hành Server phổ biến, có ít nhất 3 ổ cứng hỗ trợ chống lỗi ổ cứng (RAID 0, 1 và 5)
11	Hệ điều hành server	Bộ	01	Phiên bản phổ biến
12	Máy quay phim	Chiếc	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
13	Máy ghi âm	Chiếc	01	- Dung lượng ≥ 4GB - Thời gian ghi âm: (15 ÷ 20)h liên tục
14	Máy dán băng dính	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
15	Máy dập ghim loại lớn	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
16	Máy dán tem hàng	Chiếc	02	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
17	Máy gỡ tem cứng	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
18	Máy khử tem mềm	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
19	Máy đếm tiền	Chiếc	01	Tốc độ đếm ≥ 1000 tờ/phút
20	Máy kiểm tra tiền giả	Chiếc	01	- Điện áp: 220V/AC ÷ 50Hz - Bóng cực tím chữ H: 11w x 2
21	Máy đọc mã vạch	Chiếc	01	- Tốc độ: ≥ 100scan/s - Độ mịn: ≥ 3 mil - Khoảng cách đọc: (0 ÷ 110)mm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
22	Máy in mã vạch	Chiếc	01	- Tốc độ in: ≥ 8IPS - Độ rộng in: ≥ 103.9mm - Chiều dài in: 6,35mm ÷ 2539,2mm
23	Mô hình gian hàng siêu thị	Bản	01	- Chất liệu: Giấy hoặc gỗ - Kích thước: theo không gian phòng học thực hành
24	Mô hình xe nâng hàng hóa	Chiếc	01	Chất liệu bằng gỗ hoặc bằng giấy
25	Mô hình xe chở hàng hóa trong siêu thị	Chiếc	01	Mô hình hoạt động được
26	Đường truyền internet	Đường truyền	01	Tốc độ thông dụng tại thời điểm lắp đặt
27	Thiết bị định tuyến (Router)	Chiếc	01	Gồm 2 cổng nối tiếp, 2 cổng đồ họa mở rộng, 1 cổng màn hình
28	Hệ thống mạng LAN	Bộ	01	Kết nối được 19 máy vi tính với nhau
29	Bộ chuyển mạch (SWITCH)	Bộ	01	≥ 24 cổng 10/100/1000
30	Camera giám sát	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
31	Cổng từ an ninh siêu thị	Chiếc	01	- Khoảng cách thu phát: ≥ 0.7m và ≤ 2.8m - Tem quản lý: Tem mền, tem cứng, tem trằng… - Vật liệu: Đế và khung kim loại - Tần số phát: 8.2MHZ - Nguồn nuôi: 24V
32	Trang web có tên miền và host	Gói	01	Loại thông dụng tại thời điểm mua sắm
33	Tổng đài nội bộ	Bộ	01	- Khả năng mở rộng tối đa 8 đường vào bưu điện - Ra 24 máy lẻ nội bộ
34	Tủ mát	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
35	Tủ đông	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
36	Tủ đựng đồ cho khách hàng	Chiếc	01	- Chất liệu gỗ hoặc sắt - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
37	Tủ trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
38	Xe đẩy hàng hóa	Chiếc	01	- Kích thước: ≥ 920mm x 610mm - Cao tay cầm: ≥ 870mm - Đường kính bánh xe: ≥ 130mm - Tải trọng: 300kg
39	Gian hàng mẫu	Gian	01	Kích thước phù hợp với phòng thực hành
40	Phần mềm quản lý khách hàng	Bộ	1	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
41	Phần mềm quản lý mã vạch	Bộ	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
42	Phần mềm thiết kế quảng cáo	Bản	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
43	Phần mềm ứng dụng quản lý xuất nhập hàng hóa	Bộ	01	Phiên bản thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
44	Phần mềm quản lý bán hàng	Bộ	01	- Cơ sở dữ liệu: SQL Server 2012 trở lên - Đặc tính: tùy biến động, đa ngôn ngữ, tích hợp thiết bị phần cứng dễ dàng
45	Phần mềm mô phỏng gian hàng	Bản	01	Phiên bản thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
46	Phần mềm máy tính	Bộ	01	Phiên bản thông dụng tại thời điểm mua sắm
	Một bộ bao gồm:			
	Hệ điều hành Windows	*Bộ*	*01*	
	Phần mềm tin học văn phòng	*Bộ*	*01*	
	Bộ gõ tiếng Việt	*Bộ*	*01*	
47	Bàn thu ngân chuyên dụng	Chiếc	01	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với không gian phòng thực hành
48	Bàn, ghế vi tính	Bộ	19	Kích thước bàn: ≥ (0.59 x 0.48 x 0.76)m, kèm theo ghế

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
49	Hệ thống âm thanh	Bộ	01	
	Một bộ bao gồm:			
	Âm ly	*Bộ*	*01*	*Phù hợp với công suất loa*
	Micro	*Chiếc*	*01*	*Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm*
	Loa	*Đôi*	*01*	*Công suất loa ≥ 20W*
50	Mẫu biểu	Bộ	01	Loại thông dụng theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính
	Một bộ bao gồm:			
	Hóa đơn	*Chiếc*	*01*	
	Phiếu xuất kho	*Chiếc*	*01*	
	Phiếu nhập kho	*Chiếc*	*01*	
	Thẻ kho	*Chiếc*	*01*	
	Sổ nhập xuất tồn	*Chiếc*	*01*	
51	Móc treo hàng siêu thị	Chiếc	01	- Chất liệu thép không gỉ - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
52	Kệ để hàng hóa (Pallet)	Chiếc	01	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa cứng - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
53	Giá trưng bày hàng hóa	Chiếc	01	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
54	Kệ trưng bày hàng hóa	Chiếc	02	- Chất liệu bằng gỗ hoặc sắt - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
55	Hộp để hàng hóa	Chiếc	06	Chất liệu bằng giấy
56	Thùng giấy loại lớn	Chiếc	05	Chất liệu bằng giấy
57	Túi để hàng hóa	Cân	01	Chất liệu bằng ni lông
58	Giỏ hàng xách tay	Chiếc	02	- Chất liệu bằng nhựa - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
59	Giỏ hàng kéo tay siêu thị	Chiếc	02	- Chất liệu bằng nhựa - Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
60	Phiếu nhập hàng hóa	Chiếc	01	Mẫu thông dụng của các doanh nghiệp đang sử dụng
61	Phiếu xuất hàng hóa	Chiếc	01	

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
62	Banner quảng cáo	Chiếc	06	Chất liệu bằng nhựa hoặc mika
63	Bảng chỉ dẫn	Chiếc	06	- Chất liệu bằng gỗ hoặc nhựa - Kích thước phù hợp với phòng thực hành
64	Bảng tra độ ẩm tuyệt đối	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
65	Cân	Chiếc	02	Trọng lượng ≤ 100Kg
66	Gương soi	Chiếc	02	Kích thước: ≥ 1.8m x 0.7m
67	Găng tay vải	Đôi	05	Chất liệu bằng vải dầy
68	Găng tay ni lông	Hộp	01	Chất liệu bằng ni lông trong suốt
69	Thẻ đeo	Chiếc	18	- Loại có dây đeo - Chất liệu bằng giấy hoặc bằng nhựa mika
70	Tem cứng	Chiếc	10	Loại bằng nhựa từ cứng
71	Tem mềm	Chiếc	10	Loại bằng kim loại
72	Nhiệt kế	Chiếc	01	Loại thông dụng trên trị trường tại thời điểm mua sắm
	THIẾT BỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO			
73	Bộ lưu điện	Bộ	01	Công suất: ≥ 500VA/300W
74	Máy vi tính	Bộ	19	- Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm - Cài đặt được phần mềm
75	Máy chiếu (projector)	Bộ	01	- Cường độ sáng: ≥ 2500 ANSI lumens - Kích thước màn chiếu: ≥ 1800mm x 1800mm

Phần C
DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG THEO MÔN HỌC, MÔ ĐUN TỰ CHỌN

Bảng 29. DANH MỤC THIẾT BỊ BỔ SUNG MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): TIẾNG ANH GIAO TIẾP CHO NHÂN VIÊN BÁN HÀNG

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 27
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Ca bin học ngoại ngữ	Bộ	36	Sử dụng để giảng dạy và học tập

Bảng 30. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): HÀNH VI NGƯỜI TIÊU DÙNG

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 28
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Máy quay phim	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
2	Máy chụp ảnh	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

Bảng 31. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): NGHIỆP VỤ BÁN HÀNG ĐIỆN MÁY
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 30
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Mô hình gian hàng điện máy	Mô hình	01	Kích thước phù hợp trong giảng dạy
2	Thẻ thanh toán	Chiếc	01	Loại thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm
3	Máy quẹt thẻ	Chiếc	01	- Dung lượng bộ nhớ: ≥ 100.000 lần - Tốc độ xử lý < (1s ÷ 2s)/1 lần chấm công - Có kết nối dữ liệu từ xa qua mạng internet

Bảng 32. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔ ĐUN (TỰ CHỌN): SIÊU THỊ TRỰC TUYẾN
(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số mô đun: MĐ 31
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm siêu thị trực tuyến	Bộ	01	Phiên bản thông dụng trên thị trường

Bảng 33. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): KẾ TOÁN LƯU CHUYỂN HÀNG HÓA
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 32
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm kế toán	Bộ	01	Phiên bản phổ biến tại thời điểm mua sắm

Bảng 34. DANH MỤC THIẾT BỊ TỐI THIỂU
MÔN HỌC (TỰ CHỌN): QUẢN TRỊ MUA HÀNG VÀ LƯU KHO

(Kèm theo bảng danh mục thiết bị tối thiểu cho các môn học, mô đun bắt buộc)

Tên nghề: Bán hàng trong siêu thị
Mã số môn học: MH 33
Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề
Dùng cho lớp học lý thuyết tối đa 35 học sinh, lớp học thực hành tối đa 18 học sinh

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản của thiết bị
1	Phần mềm quản lý kho	Bộ	01	Phiên bản thông dụng trên thị trường tại thời điểm mua sắm

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
DANH MỤC THIẾT BỊ DẠY NGHỀ BÁN HÀNG TRONG SIÊU THỊ
Trình độ: Trung cấp nghề

(Kèm theo Quyết định số 870/QĐ-BLĐTBXH ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội)

STT	Họ và tên	Trình độ	Chức vụ trong Hội đồng thẩm định
1	Ông Quản Văn Giáo	Cử nhân Kinh tế	Chủ tịch HĐTĐ
2	Ông Phạm Vũ Khiêm	Cử nhân Kinh tế	P. Chủ tịch HĐTĐ
3	Bà Võ Thị Hồng	Thạc sỹ Quản lý đào tạo nghề	Ủy viên thư ký
4	Ông Nguyễn Đăng Khoa	Cử nhân Kinh tế	Ủy viên
5	Bà Phan Thị Thu Hoài	PGS.TS Kinh tế	Ủy viên
6	Ông Nguyễn Xuân Quang	PGS.TS Kinh tế	Ủy viên
7	Bà Trần Thị Diễm Hương	Tiến sỹ Kinh tế	Ủy viên

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng